

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1813 /TTg-ĐMDN

Hà Nội, ngày 13 tháng 10 năm 2016

V/v phê duyệt danh mục đơn vị
sự nghiệp công lập thuộc UBND
thành phố Đà Nẵng chuyển thành
công ty cổ phần giai đoạn 2016 - 2020

CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... 2 ...
	Ngày: ... 14/10/16

Kính gửi: Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng (công văn số 7306/UBND-KT1 ngày 30 tháng 8 năm 2016) và ý kiến các Bộ: Tài chính (công văn số 13260/BTC-TCDN ngày 21 tháng 9 năm 2016), Giao thông vận tải (công văn số 10794/BGTVT-QLDN ngày 14 tháng 9 năm 2016), Lao động - Thương binh và Xã hội (công văn số 3645/LĐTĐ-BHXH-KHTC ngày 22 tháng 9 năm 2016), Kế hoạch và Đầu tư (công văn số 7743/BKHĐT-PTDN ngày 21 tháng 9 năm 2016), Nội vụ (công văn số 4442/BNV-TCBC ngày 21 tháng 9 năm 2016), Xây dựng (công văn số 2047/BXD-KHTC ngày 16 tháng 9 năm 2016) về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập chuyển thành công ty cổ phần, Thủ tướng Chính phủ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chuyển các đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần đối với 4 đơn vị sau:

- Công ty Thoát nước và xử lý nước thải Đà Nẵng;
- Công ty Quản lý cầu đường Đà Nẵng;
- Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;
- Công ty Công viên cây xanh Đà Nẵng.

2. Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng căn cứ vào Quyết định sửa đổi, bổ sung Quyết định số 37/2014/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành tiêu chí, danh mục phân loại doanh nghiệp nhà nước để xác định tỷ lệ vốn Nhà nước cần nắm giữ khi cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp nêu trên.

3. Ủy quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng phê duyệt phương án cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập này và triển khai các công việc liên quan theo quy định hiện hành./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thủ tướng, PTTg Vương Đình Huệ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&ĐT, GTVT, LĐ-TĐ & XH, Xây dựng, TN&MT, Nội vụ;
- Ban Chỉ đạo Đổi mới và Phát triển DN;
- VPCP: BTCN, PCN Lê Mạnh Hà, TGD Công TTĐT, các Vụ: KTTH, KTN, KGVX, TCCV;
- Lưu: VT, ĐMDN (3b). Trung Anh *ph*

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG



Quỳnh
Vương Đình Huệ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 1431/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 02 tháng 4 năm 2019

Số Công văn: 1431/QĐ-UBND
Ký bởi: Ủy ban nhân dân
Thành phố Đà Nẵng
Email: vanthubnd@danang.gov.vn
Cơ quan: Thành phố Đà Nẵng
Ngày ký: 03.04.2019 16:35:38

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH	
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
Số: 34	Ngày: 03/4/2019
Chuyên: A. Tuấn	Hồ sơ số: Các thành viên

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 2136/SXD-VP ngày 26 tháng 3 năm 2019 và đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 870/TTr-SNV ngày 29 tháng 3 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) tại Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng như sau:

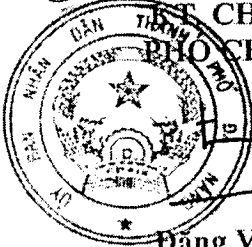
Trưởng Ban Chỉ đạo: Ông Thái Ngọc Trung, Phó Giám đốc phụ trách Sở Xây dựng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND thành phố (để báo cáo);
- BCD Đổi mới và Phát triển DN thành phố;
- Chủ tịch UBND thành phố (để báo cáo);
- Cổng thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV.

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đặng Việt Dũng

*ban chấp hành
và các phòng đơn vị*
03/4/2019
[Signature]

Số: 577 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 24 tháng 01 năm 2017



QUYẾT ĐỊNH
Về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Thực hiện Công văn số 1813/TTg-ĐMDN ngày 13/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Đà Nẵng chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2016 - 2020;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 12890/SXD-VP ngày 28/12/2016 và đề nghị của Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) gồm các thành viên sau đây:

1. Trưởng Ban Chỉ đạo: Ông Vũ Quang Hùng, Giám đốc Sở Xây dựng.
2. Phó Trưởng Ban Chỉ đạo: Ông Phạm Cư, Phó Giám đốc Sở Tài chính.
3. Thành viên:
 - Bà Nguyễn Thị Thanh Hương, Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - Ông Nguyễn Thương, Phó Giám đốc Sở Nội vụ.
 - Ông Nguyễn Văn An, Phó Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.
 - Ông Phạm Tài, Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng.

Điều 2. Nhiệm vụ, quyền hạn, cơ chế làm việc; cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo

1. Ban Chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 49 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần; Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Ban Chỉ đạo có trách nhiệm thành lập Tổ giúp việc triển khai công tác cổ phần hóa tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng. Ban Chỉ đạo được sử dụng con dấu của Sở Xây dựng để thực hiện nhiệm vụ.

3. Thành viên Ban Chỉ đạo hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm. Trưởng Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm về hoạt động của Ban Chỉ đạo; định kỳ báo cáo Chủ tịch UBND thành phố về tiến độ, kết quả thực hiện nhiệm vụ.

4. Sở Xây dựng làm cơ quan thường trực và có trách nhiệm bảo đảm điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và Ban Chỉ đạo tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Nội vụ, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thường trực Thành ủy (để báo cáo);
- Thường trực HĐND thành phố (để báo cáo);
- Các Phó Chủ tịch UBND thành phố;
- BCĐ Đổi mới và Phát triển DN thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV. (2/5)

CHỨNG THỰC

BẢN SAO ĐỒNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 13-06-2019

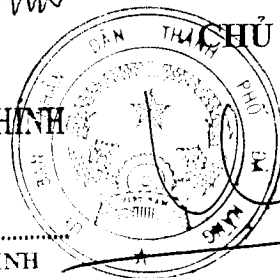
SỐ: 9.095/2019

TM.UBND Phường PHƯỚC NINH
Quận HẢI CHÂU - TP. Đà Nẵng

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Thanh



CHỦ TỊCH

Huỳnh Đức Thơ

Số: 482 /QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 30 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Xét đề nghị của Trưởng Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tại Công văn số 03/BCĐĐCS ngày 02 tháng 01 năm 2018 và đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thay đổi thành viên quy định tại Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của Chủ tịch UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hoá Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (sau đây viết tắt là Ban Chỉ đạo) như sau:

Ông Nguyễn Đình Hùng, Phó Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng làm thành viên Ban Chỉ đạo thay ông Phạm Tài.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND thành phố Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và các thành viên Ban Chỉ đạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BCĐ Đổi mới và Phát triển DN thành phố;
- Công thông tin điện tử thành phố;
- Lưu: VT, SNV. (10)



Huỳnh Đức Thơ

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

Số: 54 /QĐ-SXD

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 09 tháng 02 năm 2017

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG	
ĐẾN	Số:..... 09
	Ngày: 13/02/2017
	Chuyển:..... <i>A. Hùng</i>
	Lưu hồ sơ số:..... <i>Các Cơ</i>

QUYẾT ĐỊNH

Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, gồm các ông, bà có tên sau đây:

- Ông Nguyễn Hữu Quang, Phó Chánh Văn phòng, Sở Xây dựng, Tổ trưởng.
- Ông Thái Quốc Khánh, Phó Trưởng phòng, phòng Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính, Tổ phó.
- Bà Lê Thảo Nguyên, Chuyên viên phòng Tài chính Doanh nghiệp, Sở Tài chính, Tổ viên.
- Bà Võ Thị Thu Hương, Phó Trưởng phòng, phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Tổ viên.
- Ông Nguyễn Thành Vinh, Chuyên viên phòng Lao động - Tiền lương - Bảo hiểm xã hội, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Tổ viên.
- Bà Nguyễn Thị Kiều Anh, Chuyên viên phòng Tổ chức, biên chế và tổ chức phi Chính phủ, Sở Nội vụ, Tổ viên.

7. Bà Nguyễn Thị Ái Khuyên, Chuyên viên phòng Kế toán - Tài chính, Sở Xây dựng, Tổ viên.

8. Ông Vũ Quốc Huy, Trưởng phòng, phòng Kế toán - Tài chính, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Tổ viên.

9. Bà Trần Tuyết Lan, Trưởng phòng, phòng Kế hoạch - Vật tư, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Tổ viên.

10. Bà Trần Thị Phước Nguyên, Phó Trưởng phòng, phòng Tổ chức - Hành chính, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Tổ viên.

Điều 2. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có nhiệm vụ:

1. Tham mưu cho Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 49, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ và Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, báo cáo Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng xem xét, phê duyệt.

3. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ viên, tổ chức thực hiện các công việc được giao khoa học, hợp lý và đảm bảo tiến độ quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng theo quy định.

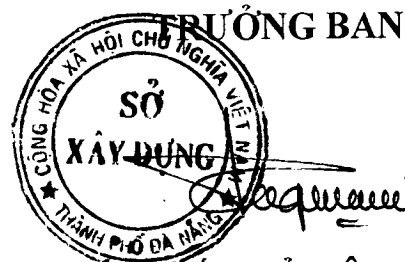
5. Tổ giúp việc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành. / . ✓

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- UBND thành phố (để báo cáo);
- Lưu: VT, VP (Hương).



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

Số: 02 /QĐ-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 08 tháng 03 năm 2017

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
Ngày: 08/3/2017	13
Chuyên: <i>Trần Phú Lịch</i>	
Lưu hồ sơ số: <i>02/3/2017</i>	

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 và Nghị định số 116/2015/NĐ-CP ngày 11/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 93/Cty-TCHC ngày 06 tháng 3 năm 2017 của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng về việc cử bổ sung cán bộ tham gia Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng gồm các ông có tên sau đây:

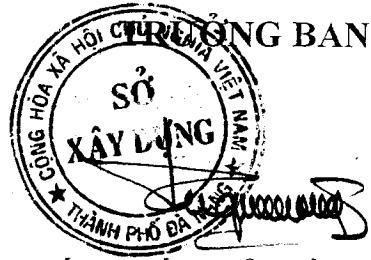
- Ông Trần Phú Lịch, Phó Trưởng phòng, phòng Quản lý hạ tầng, Sở Xây dựng, Tổ viên.
- Ông Đặng Lê Kim Hòa, Trưởng phòng Kỹ thuật, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Tổ viên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và các ông có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCD (Khuyến).



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QL VH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

Số: 03/QĐ-BCĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
Số: 2017-21	ĐẾN
Ngày: 04/4/2017	
Chuyên:	
Lưu hồ sơ số:	

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 4 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

Bổ sung thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

09/9/2017

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Công văn số 130/Cty-TCHC ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng về việc cử bổ sung cán bộ tham gia tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

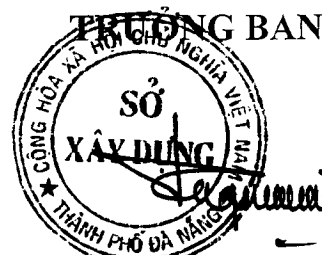
Điều 1. Bổ sung Ông Nguyễn Đình Hùng, Phó Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và ông Nguyễn Đình Hùng căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐ (Khuyến).



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

Đà Nẵng, ngày 03 tháng 7 năm 2017

Số: 04/QĐ-BCĐĐCS

QUYẾT ĐỊNH

**Bổ sung thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

**TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ
VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG**

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Công văn số 238/Cty-TCHC ngày 03 tháng 7 năm 2017 của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng về việc cử bổ sung cán bộ tham gia tổ giúp việc cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bổ sung Ông Nguyễn Anh Tuấn, Phó Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và ông Nguyễn Anh Tuấn căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐĐCS (Khuyên).

TRƯỞNG BAN

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.

Số: 05/QĐ-BCĐĐCS

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 10 năm 2017

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
ĐẾN	Số:.....45.....
	Ngày: 20/10/2017
	Chuyên: <i>Thay TCBC</i>
	Lưu hồ sơ số:.....

QUYẾT ĐỊNH

Thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Công văn số 2626/SNV-TCBC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa các đơn vị sự nghiệp công lập;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử bà Bùi Thị Thu Linh, Chuyên viên Phòng Tổ chức biên chế và Tổ chức phi chính phủ - Sở Nội vụ thành phố Đà Nẵng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, thay cho Bà Nguyễn Thị Kiều Anh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và Bà Bùi Thị Thu Linh căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐĐCS (Khuyến).

TRƯỞNG BAN


GIAM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUẢN LÝ VẬN HÀNH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN

Số: 06 /QĐ-BCĐĐCS

Đà Nẵng, ngày 10 tháng 01 năm 2018

Số:..... 04.....
ĐẾN Ngày: 15/01/2018
Chuyên: phân tích T.C.H.C., K.T.
Lưu hồ sơ số: Chị Thuà.....

QUYẾT ĐỊNH

Thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

15/01/2018
[Signature]

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Công văn số 09/Cty-TCHC ngày 10 tháng 01 năm 2018 của Công ty QLVH điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

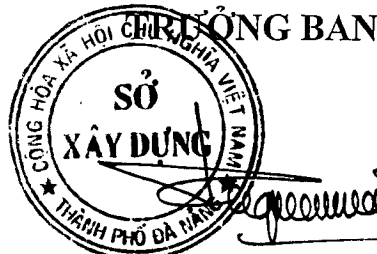
Điều 1. Cử bà Đoàn Thị Kim Thoa, Phó Trưởng phòng Kế toán - Tài chính Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, thay cho Ông Vũ Quốc Huy, từ ngày 10/01/2018.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và Bà Đoàn Thị Kim Thoa căn cứ Quyết định thi hành././

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐĐCS (Khuyến).



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

Số: 07/QĐ-BCĐĐCS

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
Số:.....30.....	ĐẾN
Ngày: 10/4/2018	3 năm 2018/01/01.../2018
Chuyển: Cát Thanh Việt	
Lưu hồ sơ số: TĐ...quy...n...	

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

10/4/2018
[Signature]

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn số 752/STC-TCDN ngày 15 tháng 3 năm 2018 của Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng về việc thay đổi cán bộ tham gia Tổ giúp việc các Ban Chỉ đạo cổ phần hóa;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

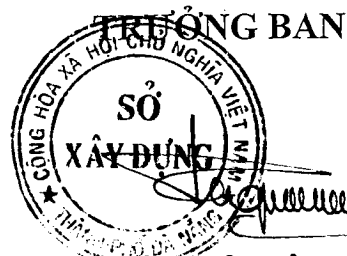
Điều 1. Cử ông Hồ Ngọc Nam, Phó trưởng phòng Phòng Tài chính doanh nghiệp - Sở Tài chính thành phố Đà Nẵng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, giữ nhiệm vụ Tổ phó Tổ giúp việc, thay cho ông Thái Quốc Khánh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và ông Hồ Ngọc Nam căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐĐCS.



GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

UBND THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
BCĐ CPH CÔNG TY QLVH
ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG
CỘNG ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 08 /QĐ-BCĐĐCS

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 3 năm 2018

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN	
Số:.....31.....	ĐẾN
Ngày: 10/1/4/2018	3 năm 2018
Chuyên: Các thanh viên	
Lưu hồ sơ số: tổ giúp việc	

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thay đổi thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

10/4/2018
[Signature]

TRƯỞNG BAN, BAN CHỈ ĐẠO CỔ PHẦN HÓA CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc thành lập Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Tổ trưởng Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cử bà Thái Thị Minh Hiền, Chuyên viên Văn phòng Sở - Sở Xây dựng thành phố Đà Nẵng, vào Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, thay cho bà Nguyễn Thị Ái Khuyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và bà Thái Thị Minh Hiền căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBND thành phố (để b/c);
- Lưu: VT, BCĐĐCS.

TRƯỞNG BAN

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG
Vũ Quang Hùng

Số: 40/QĐ-Cty

Đà Nẵng, ngày 16 tháng 02 năm 2017

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc thành lập Ban chuyển đổi tại đơn vị sự nghiệp Cổ phần hóa của Công ty
Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 83/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên Trung tâm Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thành Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc ban hành Quy định phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm việc, vị trí việc làm, viên chức và người lao động trong các đơn vị sự nghiệp thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng quản lý;

Căn cứ Công văn 2638/STC-TCDN ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Sở Tài chính về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND thành phố và Quyết định 54/QĐ-SXD ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Ban Chỉ đạo về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chuyển đổi tại đơn vị sự nghiệp Cổ phần hóa của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng gồm các ông (bà) có tên sau đây:

1. Ông Phạm Tài, Giám đốc Công ty, Trưởng Ban.
2. Ông Nguyễn Đình Hùng, Phó Giám đốc Công ty, Phó Ban.
3. Ông Vũ Quốc Huy, Phụ trách Kế toán Công ty, Ủy viên thường trực.
4. Bà Trần Tuyết Lan, Chủ tịch Công đoàn, Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư, Ủy viên.
5. Bà Trần Thị Phước Nguyên, Phụ trách phòng Tổ chức – Hành chính, Ủy viên.
6. Ông Đặng Lê Kim Hòa, Trưởng phòng Kỹ thuật, Ủy viên.

7. Ông Huỳnh Bá Chiến, Trưởng phòng Kỹ thuật an toàn kiểm tra và giám sát điện chiếu sáng công cộng, Ủy viên.

8. Ông Trần Hoàng Phúc, Phụ trách phòng KCS và nghiên cứu thiết bị mới, Ủy viên.

9. Ông Đinh Văn Thọ, Đội trưởng Đội xe chuyên dùng và cơ khí, Ủy viên.

10. Ông Tôn Thất Dương Trình, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 01, Ủy viên.

11. Ông Nguyễn Tiên Sử, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 02, Ủy viên.

12. Ông Đặng Quốc Thắng, Quyền Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 03, Ủy viên.

13. Ông Ngô Thanh Vinh, Quyền Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 04, Ủy viên.

14. Ông Nguyễn Quang Việt, Đội trưởng Đội QLVH điện trang trí, Ủy viên.

Điều 2. Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có nhiệm vụ:

1. Tham mưu cho Trưởng ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa quy định tại Điểm a, Khoản 4, Điều 49, Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18 tháng 7 năm 2011 của Chính phủ và Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ.

2. Xây dựng kế hoạch, tiến độ triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, báo cáo Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng xem xét, phê duyệt.

3. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ viên, tổ chức thực hiện các công việc được giao khoa học, hợp lý và đảm bảo tiến độ quy định.

4. Tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa tại Công ty theo quy định.

5. Tổ giúp việc làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và Tổ giúp việc Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Thành viên Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban chỉ đạo (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCHC (Nguyễn).



GIÁM ĐỐC
PHẠM TÀI

SỞ XÂY DỰNG TP ĐÀ NẴNG
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN
CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Số: 25/QĐ-Cty

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 05 tháng 02 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Về việc thành lập Ban chuyển đổi tại đơn vị sự nghiệp Cổ phần hóa tại Công ty
Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

GIÁM ĐỐC CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Căn cứ Quyết định số 83/2005/QĐ-UBND ngày 14 tháng 7 năm 2005 của Ủy
ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc bổ sung nhiệm vụ và đổi tên Trung tâm
Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thành Công ty Quản lý vận
hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 07/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017
UBND thành phố ban hành Quy định về quản lý tổ chức bộ máy, số lượng người làm
việc, vị trí làm việc, viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND
thành phố Đà Nẵng quản lý và Hướng dẫn số 759/HD-SNV ngày 06 tháng 6 năm
2017 của Sở Nội vụ về thực hiện Quyết định số 06/2017/QĐ-UBND và Quyết định
số 07/2017/QĐ-UBND ngày 08 tháng 3 năm 2017 của UBND thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Công văn 2638/STC-TCDN ngày 15 tháng 11 năm 2016 của Sở Tài
chính về việc hướng dẫn trình tự, thủ tục thực hiện cổ phần hóa đơn vị sự nghiệp
công lập;

Căn cứ Quyết định 577/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2017 của UBND
thành phố và Quyết định 54/QĐ-SXD ngày 09 tháng 02 năm 2017 của Ban Chỉ đạo
về việc thành lập Tổ giúp việc Ban chỉ đạo cppr phần hóa Công ty Quản lý vận hành
điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

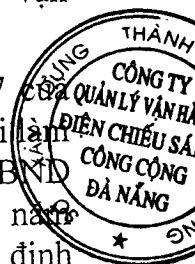
Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý vận hành điện
chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Theo đề nghị của Phòng Tổ chức - Hành chính Công ty,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Ban chuyển đổi tại đơn vị sự nghiệp Cổ phần hóa của Công
ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng gồm các ông (bà) có tên
sau đây:

1. Ông Nguyễn Đình Hùng, Phó Giám đốc phụ trách Công ty, Trưởng Ban.
2. Ông Nguyễn Anh Tuấn, Phó Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn Công ty, Phó
trưởng ban.
3. Bà Đoàn Thị Kim Thoa, Phụ trách Kế toán Công ty, ủy viên thường trực.



4. Bà Trần Thị Phước Nguyên, Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính, ủy viên.
5. Ông Vũ Quốc Huy, Trưởng phòng Kế toán-Tài chính Công ty, ủy viên.
6. Bà Trần Tuyết Lan, Trưởng phòng Kế hoạch – Vật tư, ủy viên.
7. Ông Đặng Lê Kim Hòa, Trưởng phòng Kỹ thuật, ủy viên.
8. Ông Đặng Hiền, Phó trưởng phòng, phụ trách phòng Kỹ thuật an toàn kiểm tra và giám sát điện chiếu sáng công cộng, ủy viên.
9. Ông Trần Hoàng Phúc, Trưởng phòng KCS và nghiên cứu thiết bị mới, ủy viên.
10. Ông Đinh Văn Thọ, Đội trưởng Đội xe chuyên dùng và cơ khí, ủy viên.
11. Ông Tôn Thất Dương Trình, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 01, ủy viên.
12. Ông Nguyễn Tiến Sử, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 02, ủy viên.
13. Ông Đặng Quốc Thắng, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 03, ủy viên.
14. Ông Ngô Thanh Vinh, Đội trưởng Đội QLVH điện chiếu sáng số 04, ủy viên.
15. Ông Nguyễn Quang Việt, Đội trưởng Đội QLVH điện trang trí, ủy viên.
16. Ông Tô Phú Cường, Đội trưởng Đội duy trì quản lý vận hành điện chiếu sáng, ủy viên.

Điều 2. Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có nhiệm vụ:

1. Tham mưu cho Trưởng ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo chỉ đạo của Ban chỉ đạo cổ phần hóa và Tổ giúp việc cổ phần hoá Công ty.
2. Xây dựng kế hoạch, tiến độ và phương án cổ phần hóa tại Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, báo cáo Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng xem xét, phê duyệt.
3. Phân công trách nhiệm cụ thể cho các tổ viên, tổ chức thực hiện các công việc được giao khoa học, hợp lý và đảm bảo tiến độ quy định.
4. Tổng hợp, báo cáo tình hình triển khai thực hiện công tác cổ phần hóa tại Công ty theo quy định.
5. Ban chuyển đổi làm việc theo chế độ kiêm nhiệm và được sử dụng con dấu của Công ty.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký thay thế Quyết định số 40/QĐ-Cty ngày 06/02/2017 của Công ty về việc thành lập Ban chuyển đổi tại đơn vị sự nghiệp Cổ phần hóa của Công ty và Ban chuyển đổi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.



Điều 4. Ban Lãnh đạo Công ty và các ông, bà có tên tại Điều 1 căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Ban chỉ đạo (để báo cáo);
- Tổ giúp việc (để báo cáo);
- Lưu: VT, TCHC (C. Nguyên).

TRƯỞNG BAN



[Handwritten signature]
P. GIÁM ĐỐC PHỤ TRÁCH
Nguyễn Đình Hùng

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt giá trị đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 1813/TTg-ĐMDN ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Đà Nẵng chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2016 - 2020;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tại Tờ trình số 11/TTr-BCĐĐCS ngày 27 tháng 12 năm 2018, Biên bản họp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng ngày 27 tháng 12 năm 2018 và hồ sơ xác định giá trị đơn vị sự nghiệp kèm theo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt giá trị của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng (đơn vị sự nghiệp công lập) tại thời điểm 24 giờ 00 ngày 31 tháng 12 năm 2017 để cổ phần hóa như sau:

Giá trị thực tế của đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa: **29.435.181.393 đồng** (Hai mươi chín tỷ, bốn trăm ba mươi lăm triệu, một trăm tám mươi một ngàn, ba trăm chín mươi ba đồng).

Trong đó:

Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại đơn vị sự nghiệp công lập để cổ phần hóa: **16.575.751.195 đồng** (Mười sáu tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu, bảy trăm năm mươi một ngàn, một trăm chín mươi lăm đồng).

Điều 2. Tài sản không tính vào giá trị của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng để cổ phần hóa: Tài sản không cần dùng chờ chuyển giao (không thực hiện đánh giá lại), có giá trị theo sổ sách là **153.577.149.158 đồng** (tài sản cố định hữu hình thuộc hệ thống lưới điện chiếu sáng công cộng và vật kiến trúc trên đất tại số 19 Lê Hồng Phong, thành phố Đà Nẵng). Giao Sở Xây dựng chỉ đạo Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng chuyển giao các đơn vị liên quan quản lý, sử dụng theo đúng quy định của pháp luật (Chi tiết theo Phụ lục đính kèm).

Điều 3. Căn cứ vào giá trị của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng được xác định tại Điều 1 Quyết định này, Ban chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng chỉ đạo Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thực hiện các bước công việc tiếp theo để cổ phần hóa theo đúng quy định hiện hành.

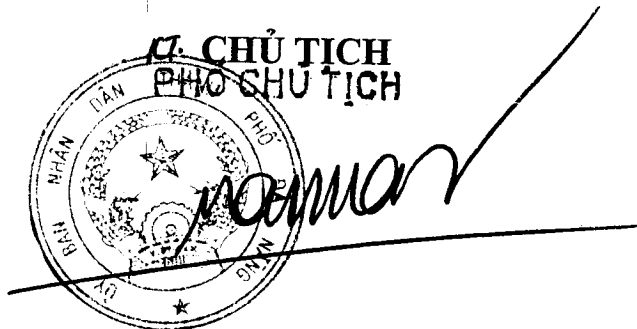
Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND thành phố, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Tài chính, Xây dựng, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTDN TW;
- Bộ Tài chính;
- CT, các PCT UBND TP;
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTDN TP;
- Cục Thuế thành phố;
- CVP, P.KT, P.QLĐTh;
- Lưu: VT, BCĐĐCS.

16



Trần Văn Miên

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỜ CHUYỂN GIAO
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG

Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số : 6468 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018)

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
A	Hệ thống điện chiếu sáng	202.432.071.618	56.331.759.729	146.100.311.889
I	Vật kiến trúc	12.516.182.114	5.006.472.844	7.509.709.270
1	Đường Mai Đăng Chon (giai đoạn 1) - Đoạn từ đường Lê Văn Hiến đến khu tái định cư Bá Tùng Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp và xây dựng mới hệ thống ĐCS	1.518.574.000	607.429.600	911.144.400
2	Đường nối từ đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông phía Tây cầu mới qua sông Hàn Hạng mục: Hệ thống ĐCS tạm tại nút giao thông Cỏ Viện Chàm	222.457.000	88.982.800	133.474.200
3	Nút giao thông và đường dẫn hai đầu cầu Nguyễn Văn Trỗi - Trần Thị Lý Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	2.750.702.000	1.100.280.800	1.650.421.200
4	Đường nối từ nút giao thông phía Đông cầu mới qua sông Hàn đến Sơn Trà - Điện Ngọc Hạng mục: Lắp đặt ĐCS công cộng	30.000.000	12.000.000	18.000.000
5	Hệ thống ĐCS (giai đoạn 2) hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư Tân Trà	2.953.124.000	1.181.249.600	1.771.874.400
6	HTKT Khu dân cư kho thiết bị phụ tùng An Đồn (gdd) Hạng mục: Hệ thống ĐCS theo Quyết định số 5354/QĐ-UBND ngày 11/8/2014	1.134.313.000	453.725.200	680.587.800
7	Hạ tầng kỹ thuật khu dân cư Khuê Trung - Đồ Xu - Hòa Cường Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng các đường kiệt	383.686.000	153.474.400	230.211.600
8	Hệ thống hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư đầu tuyến Sơn Trà - Điện Ngọc (gđ 1) Hạng mục: Hệ thống ĐCS khu TĐCS khu vực suối đá theo Quyết định số 6094/QĐ-UBND	253.261.114	101.304.444	151.956.670
9	Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế thu hồi hệ thống ĐCS hiện có và XD mới hệ thống ĐCS dọc đường Nguyễn Duy Trinh Hạng mục: Hạ tầng kỹ thuật khu TĐC Tân Trà	917.335.000	366.934.000	550.401.000

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
10	Hạch toán tăng giá trị tài sản cố định công trình: Tháo dỡ hệ thống ĐCS hiện trạng và xây dựng mới hệ thống ĐCS đường Nguyễn Văn Linh đến nút giao thông phía Tây cầu mới qua sông Hàn	1.975.245.000	790.098.000	1.185.147.000
11	Tháo dỡ, thu hồi hệ thống ĐCS hiện trạng và xây dựng mới hệ thống ĐCS đoạn cuối tuyến đường Trần Hưng Đạo (nối với đường đầu cầu Nguyễn Văn Trỗi phía Sơn Trà)	377.485.000	150.994.000	226.491.000
II	Máy móc thiết bị chuyên dùng	90.132.103.518	29.255.013.920	60.877.089.598
1	Công trình : Cầu Hòa Xuân thành phố Đà Nẵng, hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng trang trí lan can (phần giá trị vật tư phần mạch đèn LED YLB- 12WB	729.960.000	218.988.000	510.972.000
2	Dự án thành phần : đường nối từ nút giao thông phía Đông cầu mới qua sông Hàn đến đường Sơn Trà Điện Ngọc. Hạng mục: Tháo dỡ thu hồi đường dây điện chiếu sáng Vệt khai thác quỹ đất đường Nguyễn Văn Linh nối dài.	171.317.000	51.395.100	119.921.900
3	V/v Phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành. Dự án: đường nối cầu Hòa Xuân và khu đô thị sinh thái Hòa Quý, hạng mục: điện chiếu sáng (đoạn qua cầu Sông Cái)	650.579.000	195.173.700	455.405.300
4	Dự án: HTKT tái định cư Bá Tùng (giai đoạn 1), hạng mục điện chiếu sáng	1.643.834.000	493.150.200	1.150.683.800
5	Dự án: Cầu mới qua Sông Hàn (Vị trí gần TTTHVN tại Đà Nẵng), hạng mục điện chiếu sáng	2.559.187.000	767.756.100	1.791.430.900
6	Dự án: Hạ tầng kỹ thuật khu C , khu dân cư nam cầu Cẩm Lệ mở rộng (giai đoạn 2), hạng mục điện chiếu sáng và chiếu sáng hai nút giao thông đầu cầu trang trí	4.350.805.000	1.305.241.500	3.045.563.500
7	Dự án thành phần: đường nối từ nút giao thông phía đông cầu mới qua sông Hàn đến đường Sơn Trà- Điện Ngọc, hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng tại khu phân lô khu vực Nhà văn hóa quận Sơn Trà cũ	88.970.000	26.691.000	62.279.000
8	Dự án:Hệ thống hạ tầng kỹ thuật tái định cư Đầu tuyến Sơn Trà- Điện Ngọc (giai đoạn 1), hạng mục: Điện chiếu sáng.	4.652.081.187	1.395.624.357	3.256.456.830

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
9	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Hệ thống ĐCSCC thuộc CT Tuyến ĐCS đường ADB5 đi Bồ Bản	320.000.000	96.000.000	224.000.000
10	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Hạ tầng và kiến trúc cảnh quan ngoài nhà (gói thầu số 3: Hệ thống ĐCSCC) thuộc CT khu chung cư phục vụ chương trình nhà ở xã hội tại khu E (giai đoạn 2) - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ	1.156.245.775	346.873.734	809.372.041
11	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Xây dựng mới hệ thống ĐCSCC thuộc CT: Xây dựng đường vành đai phía Nam TP Đà Nẵng	12.251.307.000	3.675.392.100	8.575.914.900
12	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Hệ thống ĐCSCC thuộc CT: HTKT khu nhà ở gia đình quân đội Xưởng 387	513.038.272	153.911.481	359.126.791
13	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: ĐCS và CS trang trí trên cầu, phun lửa, phun nước (phần bổ sung mắt rồng, dây đèn I colo Fled và đèn Color Reach, Color Burst tăng hiệu ứng) thuộc CT: cầu mới qua sông Hàn (vị trí gần TTTT Việt Nam tại Đà Nẵng)	25.973.481.000	7.792.044.300	18.181.436.700
14	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: tháo dỡ, di dời lưới điện trung, hạ thế, trạm biến áp, thu hồi hệ thống ĐCSCC và lắp đặt mới hệ thống ĐCSCC (phần hệ thống ĐCSCC) thuộc CT: Nâng cấp, mở rộng đường Nguyễn Duy Trinh TP Đà Nẵng	1.141.385.000	342.415.500	798.969.500
15	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng thuộc CT: HTKT khu E2 mở rộng - khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (giai đoạn 1 - phân kỳ 2)	813.046.000	243.913.800	569.132.200
16	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Kiến trúc cảnh quan - phần ĐCS cảnh quan thuộc CT: Khu công viên vui chơi giải trí, thể dục thể thao, nhà sinh hoạt cộng đồng tại khu đầm rộng 2	430.424.000	129.127.200	301.296.800
17	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Hệ thống ĐCS vệt khai thác quỹ đất đường Nguyễn Văn Linh đến đường Sơn Trà- Điện Ngọc thuộc CT: đường nối từ nút giao thông phía đông cầu mới qua sông Hàn đến đường Sơn Trà- Điện Ngọc	735.936.000	220.780.800	515.155.200

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
18	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Cải tạo, nâng cấp hệ thống ĐCS trên các tuyến đường Quang Trung, Lý Tự Trọng (đoạn từ đường Bạch Đằng đến đường Đồng Đa) thuộc CT: Trung tâm hành chính TP Đà Nẵng	425.943.000	127.782.900	298.160.100
19	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS đường Lý Thánh Tông thuộc CT: HTKT Vệt khai thác quỹ đất từ cầu Sông Hàn ra biển	210.345.000	63.103.500	147.241.500
20	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc CT: HTKT khu vực phía Bắc nút giao thông Hòa Cầm.	546.799.651	164.039.895	382.759.756
21	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc CT: Khu nhà tắm nước ngọt - Bãi tắm Mân Thái	342.230.000	102.669.000	239.561.000
22	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Tháo dỡ, di dời hệ thống ĐCS hiện trạng và xây dựng mới hệ thống ĐCS thuộc công trình: HTKT Khu tái định cư số 1 thuộc vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT 602 (đoạn từ đường tránh Nam hầm Hải Vân đến suối mơ)	934.924.000	280.477.200	654.446.800
23	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc công trình HTKT Khu tái định cư Hòa Liên 4 (giai đoạn 1)	481.540.000	144.462.000	337.078.000
24	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc công trình: HTKT Khu tái định cư Hòa Liên 4 (giai đoạn 2)	868.511.000	260.553.300	607.957.700
25	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc công trình: HTKT Khu tái định cư Hòa Liên 3	888.013.000	266.403.900	621.609.100
26	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc công trình: HTKT Khu tái định cư tiếp giáp về phía tây khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng	626.349.000	187.904.700	438.444.300
27	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống ĐCS thuộc công trình: HTKT Khu phức hợp Du lịch thương mại chung cư và Đất ở phường Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu TP Đà Nẵng	534.295.120	160.288.536	374.006.584
28	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung hạ thế và xây dựng mới hệ thống ĐCS (phần điện chiếu sáng) thuộc công trình: HTKT Khu dân cư Nam Tuyên Sơn (giai đoạn 1)	268.554.823	80.566.446	187.988.377

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
29	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: tổng thầu thiết kế, cung cấp thiết bị, vật tư và xây lắp phần bổ sung theo PLHĐ299/HĐ06 ngày 30/10/2014 thuộc công trình: Hệ thống điện chiếu sáng trang trí cầu Thuận Phước	1.753.701.000	526.110.300	1.227.590.700
30	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: trục cảnh quan phía Bắc Khu du lịch Sao Việt Non Nước	393.321.000	117.996.300	275.324.700
31	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: điện chiếu sáng tổ 11G, 11B phường Thọ Quang	229.477.000	68.843.100	160.633.900
32	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: điện chiếu sáng tổ 11C, 11H phường Thọ Quang	72.632.000	21.789.600	50.842.400
33	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: điện chiếu sáng tổ 20A1- 20A2 - 20B3 - 24A1 - 30B phường Mân Thái	50.379.000	15.113.700	35.265.300
34	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: điều chỉnh, mở rộng khu gia đình cán bộ công chức quân đội Lữ đoàn 532	321.450.000	96.435.000	225.015.000
35	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: điện chiếu sáng thuộc công trình: hạ tầng kỹ thuật khu gia đình quân nhân Sư đoàn KQ372	577.000.000	173.100.000	403.900.000
36	Giao nhiệm vụ QLVH công trình: Điện chiếu sáng khu vực An Lưu phường Hòa Quý	562.064.000	168.619.200	393.444.800
37	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng thuộc công trình: HTKT khu TĐC Hòa Hiệp mở rộng (phía nam nhà máy	1.234.925.000	370.477.500	864.447.500
38	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng thuộc công trình: HTKT khu dân cư phía Nam TTHC quận Liên chiểu (gđ	287.035.609	86.110.683	200.924.926
39	Giao nhiệm vụ QLVH hạng mục: hệ thống điện chiếu sáng thuộc công trình: Nâng cấp, mở rộng đường Sư Vạn Hạnh	1.218.975.000	365.692.500	853.282.500
40	Cầu mới qua Sông Hàn (VT gần TTTHVN tại ĐN). HM: Đường và nút giao thông, an toàn giao thông và cảnh quan Phần cảnh quan Quảng trường kết hợp CV cây xanh tại khu đất A19, phía Đông Cầu Rồng	3.512.107.000	1.053.632.100	2.458.474.900

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
41	Công trình :HTKT khu tái định cư Phước Lý 4 - Hạng mục: Điện chiếu sáng	343.100.000	102.930.000	240.170.000
42	Công trình :Lắp đặt điện chiếu sáng trên địa bàn xã Hòa Phong và Hòa Phước về xây dựng nông thôn mới	1.509.604.117	452.881.236	1.056.722.881
43	Công trình :Lắp đặt điện chiếu sáng trên địa bàn xã Hòa Nhơn, Hòa Khương và Hòa Phong	1.199.912.514	359.973.753	839.938.761
44	Công trình :HTKT khu tái định cư số 1 Hòa Thọ - Hòa Nhơn. Hạng mục: Điện Chiếu Sáng	150.000.000	45.000.000	105.000.000
45	Công trình :Điện chiếu sáng khu vực lân cận nhà thờ Tin lành Hòa Mỹ	67.566.000	20.269.800	47.296.200
46	Công trình :Nâng cấp, cải tạo đường Ba Đình - Hạng mục: Điện chiếu sáng	92.217.000	27.665.100	64.551.900
47	Công trình :Hệ thống điện chiếu sáng (phần còn lại, đợt 2) thuộc công trình: HTKT khu dân cư An Hòa 4	255.000.000	76.500.000	178.500.000
48	Công trình :Hệ thống điện chiếu sáng thuộc công trình: HTKT khu D - Khu dân cư Nam cầu Cẩm Lệ (Giai đoạn 2)	1.274.000.000	382.200.000	891.800.000
49	Công trình :Điện chiếu sáng tổ 76, 77, 80, 81 phường Khuê Mỹ	314.859.000	94.457.700	220.401.300
50	Công trình: Nút giao thông và đường dẫn hai đầu cầu Nguyễn Văn Trỗi - Trần Thị Lý. Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	2.358.438.000	707.531.400	1.650.906.600
51	Dự án phát triển lưới điện nông thôn, nguồn vốn OPEC giai đoạn II	764.123.000	681.343.008	82.779.992
52	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng Bệnh viện Ung thư thành phố Đà Nẵng	5.739.206.000	2.869.603.000	2.869.603.000
53	Xây dựng mô hình điện chiếu sáng công cộng sử dụng phương pháp Dimming	988.424.000	774.265.467	214.158.533
54	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng khuôn viên chùa Linh Ứng - Bãi Bụt, TP. Đà Nẵng	332.459.756	166.229.879	166.229.877
55	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tại thôn Nhơn Thọ 1, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	60.997.714	30.498.855	30.498.859

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
56	Lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tại thôn Tân Thạnh, xã Hòa Phước, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng	70.028.980	35.014.490	35.014.490
57	Hệ thống nâng hạ sửa chữa điện chiếu sáng (Đội trang trí)	90.000.000	72.000.000	18.000.000
III	Tài sản cố định hữu hình khác	99.783.785.986	22.070.272.965	77.713.513.021
1	Cải tạo, nâng cấp đường Nguyễn Công Hoan. Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế, TBA thu hồi ĐCS hiện có và XD mới HT ĐCS	426.458.000	106.614.500	319.843.500
2	KP thiệt hại HTĐCS do bão số 11 năm 2013 gây ra trên TPĐN đối với các CT còn bảo hành (Do BQLDA ĐTXD CT GTCC điều hành DA) - Gói thầu: KP thiệt hại HTĐCS cầu Nguyễn Văn Trỗi - Trần Thị Lý	11.067.000	2.766.750	8.300.250
3	HTKT khu TĐC số 18 đường Trần Huy Liệu - Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng	70.073.392	17.518.348	52.555.044
4	KP thiệt hại HTĐCS do bão số 11 năm 2013 gây ra trên địa bàn TPĐN đối với các công trình còn bảo hành (Do BQLDA ĐTXD CT GTCC điều hành DA) - Gói thầu: KP thiệt hại HTĐCS và trang trí cầu Rồng	12.841.000	3.210.250	9.630.750
5	Hệ thống ĐCS xã Hòa Sơn, huyện Hòa Vang, TP Đà Nẵng thuộc chương trình hỗ trợ XD nông thôn mới	281.331.501	70.332.875	210.998.626
6	HTKT khu TĐC số 7 thuộc Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT602 (đoạn từ trại giam Hòa Sơn đến đường tránh Nam hầm Hải Vân) - Hạng mục: Điện chiếu sáng	1.437.000.000	359.250.000	1.077.750.000
7	HTKT khu TĐC số 6 thuộc Vệt khai thác quỹ đất dọc tuyến đường ĐT602 (đoạn từ trại giam Hòa Sơn đến đường tránh Nam hầm Hải Vân) - Hạng mục: Điện chiếu sáng	1.581.378.000	395.344.500	1.186.033.500
8	Hệ thống ĐCS đường Nguyễn Huy Chương (đoạn từ đường Nguyễn Trọng Nghĩa đến đường Võ Nguyên Giáp)	737.403.000	184.350.750	553.052.250
9	Hệ thống ĐCS KDC tổ 139, 141 phường Hòa Khánh Nam - Q.Liên Chiểu	311.477.000	77.869.250	233.607.750
10	Hệ thống ĐCS KDC tổ 85, 89, 92, 136 phường Hòa Khánh Nam - Q.Liên Chiểu	501.000.000	125.250.000	375.750.000

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
11	Hệ thống DCS KDC ở 89, 91, 94 phòng Hòa Khánh Nam - Q. Liên Chiểu	305.874.000	76.468.500	229.405.500
12	DCS tuyến kết nối 4B và 28 phòng Hòa Thọ Đông - quận Cẩm Lệ	108.744.000	27.186.000	81.558.000
13	Đường nối từ KCN Hòa Khánh đến đường Nguyễn Tất Thành - Hàng mục: DCS và điện trang trí (Phần khởi lượng đoàn từ đường Bắc Nam đến đường Nguyễn Tất Thành)	564.803.000	141.200.750	423.602.250
14	DCS tuyến kết nối 86, 88, 89, 90 phòng Khuê Mỹ - quận Ngũ Hành Sơn	274.409.618	68.602.405	205.807.214
15	Đường Hoàng Văn Thại nối dài đi Bà Nà - Hàng mục: Hệ thống DCS	19.039.509.000	4.759.877.250	14.279.631.750
16	HTKT Khu số 4 mở rộng - Địa điểm: Phường Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, TP. Đà Nẵng	4.500.000.000	1.125.000.000	3.375.000.000
17	HT DCS KDC ở 154-159 phòng Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	253.702.000	63.425.500	190.276.500
18	DCS ở 36, 37, 38 phòng Hòa Quý	289.519.000	72.379.750	217.139.250
19	Tổ chức giao thông khu vực nút giao thông Nguyễn Hữu Thọ - Duy Tân - Lê Đình Lý	347.941.000	86.985.250	260.955.750
20	HT DCS KDC ở 150-152 phòng Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng	283.298.000	70.824.500	212.473.500
21	HTKT Khu phố chợ Mân Thái	83.000.000	20.750.000	62.250.000
22	Cầu Nam Ô (Km917+198, QL1A) thuộc gói thầu B2-20	413.923.150	103.480.788	310.442.363
23	HTKT Khu TĐC phía Đông xướng 38 & 387	138.000.000	34.500.000	103.500.000
24	Hà tầng Vệt đất ở phân lô dọc tuyến đường DT602 giáp với KCN Hòa Khánh mở rộng	213.995.000	53.498.750	160.496.250
25	DCS ở 36, 38, 45 phòng Hòa Quý	365.883.000	91.470.750	274.412.250
26	DCS KDC Đông Hải ở 114, 115 phòng Hòa Hải, quận Ngũ Hành Sơn	297.560.000	74.390.000	223.170.000
27	HT DCS KDC ở 139 - 141 phòng Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu	311.477.000	77.869.250	233.607.750
28	HTKT KDC Iang đá Mỹ nghệ Non nước	188.664.000	47.166.000	141.498.000
29	HT DCS KDC ở 16-12-9-4 phòng Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu	301.000.000	75.250.000	225.750.000
30	HTKT Khu TĐC Bà Trưng mở rộng - giải đoàn	787.800.000	196.950.000	590.850.000

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
31	Tổ chức khu phố chuyên doanh đường Lê Duẩn - Hạng mục: Tháo dỡ, thu hồi ĐCS hiện có và XD mới HTĐCS (đoạn từ Ông ÍCh Khiêm đến ngã ba Cai Lang)	4.454.043.000	1.113.510.750	3.340.532.250
32	Tổ chức khu phố chuyên doanh đường Lê Duẩn - Hạng mục: Tháo dỡ, thu hồi ĐCS hiện có và XD mới HTĐCS (đoạn từ Trần Phú đến đường Ông ÍCh Khiêm)	4.504.507.000	1.126.126.750	3.378.380.250
33	HTKT KDC phía Nam TTHC quận Liên Chiểu (gđ3) - Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường trung hạ thế, TBA và ĐCS	535.585.204	133.896.301	401.688.903
34	HT ĐCS khu vực tổ 171 P.Hòa Khánh Nam, quận Liên Chiểu	151.608.000	37.902.000	113.706.000
35	HTKT khu số 7 - Trung tâm đô thị mới Tây Bắc (giai đoạn 1)	856.348.256	214.087.064	642.261.192
36	HT ĐCS KV tổ 32-27 P.Hòa Hiệp Nam, quận Liên Chiểu	301.000.000	75.250.000	225.750.000
37	Tuyến đường từ Hòa Thọ Tây đi TT xã Hòa Nhơn (từ đường bao nhà máy nước Cầu Đỏ đến QL14B)	1.805.833.054	451.458.264	1.354.374.791
38	HTKT KDC Thọ Quang 3 (giai đoạn 1) - Hạng mục: HTĐCS	276.546.000	69.136.500	207.409.500
39	HT ĐCS KDC tổ 97-99 phường Hòa Hiệp Bắc, quận Liên Chiểu	504.422.000	126.105.500	378.316.500
40	HTKT khu Công nghiệp DV Thủy sản Đà Nẵng (giai đoạn 1) - Hạng mục: ĐCS đường Vân Đồn, đường Trần Nhân Tông và đường Nguyễn Phục (phần còn lại)	590.445.000	147.611.250	442.833.750
41	Tuyến đường trục 1 Tây Bắc (đoạn từ nút giao thông Ngã Ba Huế đến Bệnh Viện ung thư) - Hạng mục: HTĐCS	5.109.823.000	1.277.455.750	3.832.367.250
42	Cải tạo, nâng cấp 6 khu vui chơi giải trí tại phường (Thanh Bình, Hòa Thuận Tây, Thuận Phước, Khuê Trung, Hòa Cường Bắc, Nại Hiên Đông) - Hạng mục: Cải tạo, nâng cấp khu vui chơi giải trí phường nại Hiên Đông	351.541.489	87.885.372	263.656.117

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
43	ĐCS tổ 8 phường Hòa Hải; ĐCS khu Làng đá Mỹ Nghệ Non nước tổ 85-86-87 phường Hòa Hải; ĐCS Khu Tây Nam Làng đá mỹ nghệ tổ 58-59-60 phường Hòa Hải	766.739.000	191.684.750	575.054.250
44	HT ĐCS KDC tổ 02-03 phường Hòa Hiệp Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng	300.000.000	75.000.000	225.000.000
45	HT ĐCS KDC tổ 118-120-150-151 phường Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng	215.000.000	53.750.000	161.250.000
46	Nút giao thông và đường dẫn hai đầu cầu Nguyễn Văn Trỗi - Trần Thị Lý. Hạng mục: Cải tạo cầu Nguyễn Văn Trỗi (phần điện chiếu sáng)	1.097.169.000	274.292.250	822.876.750
47	Chung cư 11 tầng tại KDC Phong Bắc, phường Hòa Thọ Đông, Cẩm Lệ, Đà Nẵng - Hạng mục: ĐCS (thuộc hạng mục Hạ tầng ngoài nhà)	475.315.617	118.828.904	356.486.713
48	HTKT KDC An Cư 4-giai đoạn 3. Hạng mục: Hệ thống ĐCS (đợt 2)	400.149.000	100.037.250	300.111.750
49	Cải tạo nâng cấp đường ĐT602 vào nghĩa trang Hòa Minh, huyện Hòa Vang, Đà Nẵng - Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế và XD mới HT ĐCS (phần: ĐCS)	175.277.192	43.819.298	131.457.894
50	HTKT khu TĐC phía Bắc Bến xe Đông Nam (phần mở rộng) - Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây hạ thế hiện có và XD mới HT ĐCS (phần HT ĐCS)	668.462.171	167.115.543	501.346.628
51	Cải tạo nâng cấp đường Nam Cao, Liên Chiểu, Đà Nẵng - Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế thu hồi ĐCS hiện có và XD mới HT ĐCS (phần: ĐCS)	342.097.000	85.524.250	256.572.750
52	HTKT các khu TĐC phía Nam TP Đà Nẵng (gói thầu 3.2). Hạng mục: khu TĐC số 1 ĐT605 (giai đoạn 2), xã Hòa Châu, Hòa Vang, Đà Nẵng (phần: ĐCS)	823.592.174	205.898.044	617.694.131

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
53	HTKT các khu TĐC phía Nam TP Đà Nẵng (gói thầu 3.2). Hạng mục: ĐCS khu TĐC phía Bắc đường Vành đai phía Nam thành phố, quận Ngũ Hành Sơn (giai đoạn 3a)	1.223.110.714	305.777.679	917.333.036
54	Nâng cấp, cải tạo 4 TTVHTT tại phường Thọ Quang, An Hải Bắc, Hòa Thọ Tây, Hòa Quý. Hạng mục: HTĐCS tại TTVHTT phường Hòa Thọ Tây	158.029.867	39.507.467	118.522.400
55	HTKT KCC Nại Hiền Đông 2. Hạng mục: HT ĐCS	201.321.000	50.330.250	150.990.750
56	HTKT KCC cuối tuyến Bạch Đằng Đông (06 nguyên đơn E1, E2, F1, F2, D2, G2). Hạng mục: HT ĐCS	389.476.000	97.369.000	292.107.000
57	HTKT khu nhà ở và làm việc CTCP-Tổng Công ty Miền Trung. Hạng mục: ĐCS	217.480.406	54.370.102	163.110.305
58	HTKT KDC Phong Bắc-Hòa Thọ. Hạng mục: Lắp đặt ĐCS KV quanh đường Cống Quỳnh	450.035.000	112.508.750	337.526.250
59	HTKT KDC phường Bắc Mỹ An (phía Bắc đường Phan Tứ), quận Ngũ Hành Sơn, TP Đà Nẵng. Hạng mục: ĐCS	686.847.595	171.711.899	515.135.696
60	Lắp đặt ĐCS đường liên thôn Phú Hòa 1 đi Phú Hòa 2 (đoạn từ Trường tiểu học Hòa Nhơn đến tiếp giáp đường Quốc lộ 14B cũ), xã Hòa Nhơn, Hòa vang, Đà Nẵng	139.983.300	34.995.825	104.987.475
61	KDC tổ 25-26-27-28, phường Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng	433.676.000	108.419.000	325.257.000
62	ĐCS KV xung quanh Đình làng Trung Nghĩa, Hòa minh, Liên Chiểu, Đà Nẵng	95.712.000	23.928.000	71.784.000
63	HTKT KCN DV Thủy sản Đà Nẵng (giai đoạn 2). Hạng mục: ĐCS đường Trần Nhân Tông, đường Phạm Văn Xảo và đường Bình Than (phần còn lại). Phần bàn giao: ĐCS đường Trần Nhân Tông (đoạn từ đường Cao Lỗ đến đường Phạm Bằng), Sơn Trà, Đà Nẵng	270.724.000	67.681.000	203.043.000

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
64	ĐCS kiệt 05, 12, 21, 22 Đặng Thái Thân và tổ 20, 21, 23 phường Hòa Hải giai đoạn 2, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng; ĐCS tổ 41, 42, 90, 92 phường Hòa Hải giai đoạn 2, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	651.894.000	162.973.500	488.920.500
65	Lắp đặt đèn chiếu sáng đường liên thôn Vân Dương 2 đi An Ngãi Đông (đoạn từ đường ĐT 602 đến nhà máy thép DaNa Ý), Hòa Liên, Hòa Vang, Đà Nẵng	299.278.000	74.819.500	224.458.500
66	Bổ sung HT ĐCS và trụ cờ tại Cảng Sông Hàn. Hạng mục: ĐCS	336.003.000	84.000.750	252.002.250
67	HTKT KDC khu Làng đá Mỹ Nghệ Non nước, Ngũ Hành Sơn, Đà Nẵng	1.471.396.135	367.849.034	1.103.547.101
68	KĐT Công nghệ FPT Đà Nẵng. Hạng mục: HT ĐCS khu V1. V5, L, R1 và tuyến trục chính. Phần: ĐCS khu L và tuyến trục chính	3.382.183.959	845.545.990	2.536.637.969
69	Đường nối từ đường Tôn Đức - Lê Trọng Tấn đi Quốc lộ 14B (giai đoạn 1). Hạng mục: ĐCS	304.568.750	76.142.188	228.426.563
70	HTKT KDC Tây Nam Hòa Cường - Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế, chiếu sáng, TBA và XD mới HT ĐCS (phần: ĐCS)	80.105.000	20.026.250	60.078.750
71	HTKT khu đất phía Đông đường Trần Đăng Ninh. Hạng mục: ĐCS	95.000.000	23.750.000	71.250.000
72	Cải tạo nâng cấp đường Bà Huyện Thanh Quan. Hạng mục: Hệ thống ĐCS	132.164.000	33.041.000	99.123.000
73	TTHC Huyện Hòa Vang (giai đoạn 2). Hạng mục: ĐCS	730.000.000	182.500.000	547.500.000
74	Cảnh quan Công viên tại đường Hùng Vương, Yên Bái, Nguyễn Thái Học và Nguyễn Chí Thanh. Hạng mục: HT ĐCS và trang trí	1.446.061.190	361.515.298	1.084.545.893
75	HKT Khu phức hợp TMDV Bình Hiên - Bình Thuận, Hải Châu, Đà Nẵng. Hạng mục: HTĐCSCC và chiếu sáng trang trí	3.140.000.000	785.000.000	2.355.000.000

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
76	Nâng cấp, cải tạo 08 khu vui chơi giải trí trên địa bàn TP tại các phường Bình Thuận, Thạch Gián, An Hải Tây, Mân Thái, hải Châu 1 và các xã Hòa Tiến, Hòa Ninh, Hòa Nhơn. Hạng mục: Nâng cấp cải tạo khu vui chơi phường Mân Thái (phần ĐCS trang trí),	216.577.000	54.144.250	162.432.750
77	Nâng cấp, cải tạo 08 khu vui chơi giải trí trên địa bàn TP tại các phường Bình Thuận, Thạch Gián, An Hải Tây, Mân Thái, hải Châu 1 và các xã Hòa Tiến, Hòa Ninh, Hòa Nhơn. Hạng mục: Nâng cấp cải tạo khu vui chơi phường An Hải Tây (phần ĐCS trang trí),	185.722.000	46.430.500	139.291.500
78	ĐCS tổ 11, 15, 16 Quang Thành, tổ 57 Thanh Vinh, phường Hòa Khánh Bắc, Liên Chiểu, Đà Nẵng	706.719.000	176.679.750	530.039.250
79	ĐCS liên tổ 33 Chơn Tâm và dọc đường ray đường Nguyễn Khuyến, Phường Hòa Khánh Nam, Liên Chiểu, Đà Nẵng	189.696.000	47.424.000	142.272.000
80	HTKT Khu tái định cư Bà Tùng mở rộng giai đoạn 1, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.ĐN. Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng (đợt 1)	481.288.000	60.161.000	421.127.000
81	HTKT khu tái định cư Tân Trà, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.ĐN. Hạng mục: Điện chiếu sáng các khu đất có ký hiệu A2-1, A2-2, A2-3, A2-5, A2-6, A2-7	120.818.000	15.102.250	105.715.750
82	Đường trục I- Trung tâm đô thị mới Tây Bắc. Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng (Phạm vi từ bệnh viện Ung Bướu đến đường Nguyễn Sinh Sắc và phần bổ sung), Q.Liên Chiểu, TP.ĐN	1.435.277.000	179.409.625	1.255.867.375
83	Hệ thống điện chiếu sáng khu đô thị Hòa Quý (gdd2), P.Hòa Quý, Q.Ngũ Hành Sơn, TP.ĐN	655.091.000	81.886.375	573.204.625
84	Nâng cấp, mở rộng tuyến đường DH8 (từ QL14B đi Hồ Đồng Nghệ). Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây trung, hạ thế TBA, điện chiếu sáng (Phần bổ sung điện chiếu sáng đường DDH8 đoạn từ thôn Phước Sơn đến Hồ Đồng Nghệ, huyện Hòa Vang, TP.ĐN)	1.435.697.000	179.462.125	1.256.234.875
85	Chống bồi lắng cát tại cửa sông Phú Lộc- Góí thầu 1.16 thuộc Dự án Phát triển bền vững TP.ĐN. hạng mục: trụ đèn trang trí, Q.Thanh Khê, TP.ĐN	268.185.483	33.523.185	234.662.298

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
86	Tháo dỡ, di dời đường dây trung hạ thế khu tái định cư phía Tây trường THCS Lê Lợi	89.861.000	11.232.625	78.628.375
87	ĐCS tổ 182- P. An Hải Bắc- Q. Sơn Trà- Đà Nẵng	82.860.000	10.357.500	72.502.500
88	ĐCS tổ 1,2,3,4 phường Mân Thái- Q.Sơn Trà- Đà Nẵng	475.304.000	59.413.000	415.891.000
89	ĐCS tổ 49 phường An Hải Tây- Quận Sơn Trà- Đà Nẵng	128.910.000	16.113.750	112.796.250
90	ĐCS tổ 5A,5B,5C,10A2,10B1,25B,31B1- P.Mân Thái- Q.Sơn Trà- Đà Nẵng	505.752.000	63.219.000	442.533.000
91	ĐCS tổ 3, K211 Nguyễn Văn Thoại, Phường Phước Mỹ, Quận Sơn Trà, Đà Nẵng	340.435.000	42.554.375	297.880.625
92	ĐCS tổ 20,24A1,12A,15A,20A1,20A2,21,24C- Phường Mân Thái- Quận Sơn Trà- Đà Nẵng	542.000.000	67.750.000	474.250.000
93	ĐCS tổ 11D,11E,11A,10A,22H,23A,23G,29E,21,26,23M,22D- P.Thọ Quang- Q.Sơn Trà- Đà Nẵng	787.973.000	98.496.625	689.476.375
94	ĐCS tổ 10N,10H,11C,26A,28D,22C,2B,5E,6B,10E,33B,2M- P.Thọ Quang- Q.Sơn Trà- Đà Nẵng	433.381.000	54.172.625	379.208.375
95	ĐCS khu phức hợp đô thị, thương mại cao tầng-P. Nại Hiên Đông- Thọ Quang- Q.Sơn Trà	960.226.000	120.028.250	840.197.750
96	ĐCS kiệt 7 Ngô Chân Lưu, tổ 227- 231,201,202,203,215- P.Hòa Minh- Q.Liên Chiểu- Đà Nẵng	553.177.000	69.147.125	484.029.875
97	HTKT khu tái định cư Tân Trà- Hệ thống ĐCS đoạn cuối đường Trường Sa- Q.Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng	2.108.315.000	263.539.375	1.844.775.625
98	Cung văn hóa thiếu nhi Đà Nẵng,P. Hòa Cường Bắc, Đà Nẵng. Hạng mục: Chiếu sáng cảnh quan	3.230.339.297	403.792.412	2.826.546.885
99	HTKT Khu E2 mở rộng- KDC Nam cầu Cẩm Lệ(gđ2-phân kỳ 2). Hạng mục: Hệ thống điện chiếu sáng(đợt 2), Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng	175.592.000	21.949.000	153.643.000
100	Sân vận động Hòa Xuân 20.000 chỗ ngồi. Hạng mục: Chiếu sáng quanh sân vận động Hòa Xuân,Q.Cẩm Lệ, Đà Nẵng	969.621.897	121.202.737	848.419.160

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
101	Nâng cấp đường Dương Thị Xuân Quý (đoạn từ Bà Huyện Thanh Quan đến Mỹ Đa Đông 8). Gói thầu: Xây lắp tháo dỡ, di dời đường dây hạ thế, thu hồi điện chiếu sáng hiện có và xây dựng mới điện chiếu sáng. Hạng mục: Điện chiếu sáng	86.200.000	10.775.000	75.425.000
102	HTKT Khu đất thương mại dịch vụ phía Đông Nam nút giao thông đường Phạm Văn Đồng và đường Ngô quyền. Hạng mục: Tháo dỡ, di dời trụ điện hạ thế và xây dựng mới hệ thống điện chiếu sáng(phần điện chiếu sáng đợt 1)	230.940.000	28.867.500	202.072.500
103	ĐCS tổ 2-4 và tổ 3 thôn Nam Thành, Xã Hòa Phong	119.766.000	14.970.750	104.795.250
104	Nút giao Km916+300, QL.1 với Tạ Quang Bửu và Nguyễn Phước Chu	175.485.000	21.935.625	153.549.375
105	ĐCS liên tổ 61, 162-165, P.Hòa Khánh Nam, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng	499.000.000	62.375.000	436.625.000
106	Nút giao Hồ Xuân Hương- Võ Nguyên Giáp	126.641.000	15.830.125	110.810.875
107	ĐCS liên tổ 98, 100, 119, 123-126, P.Hòa Hiệp Nam, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng	398.891.000	49.861.375	349.029.625
108	HTKT khu tái định cư Hòa Hiệp 3 (gđ 1). Hạng mục: Hệ thống ĐCS từ trụ 2.3/T1 đến 2.6/T2	124.000.000	15.500.000	108.500.000
109	ĐCS liên tổ 58,86,90,93- P.Hòa Khánh Nam- Q.Liên Chiểu- Đà Nẵng	456.150.000	57.018.750	399.131.250
110	ĐCS trên địa bàn Phường Hòa Quý (gđ 2)- P.Hòa Quý- Q.Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng	599.955.000	74.994.375	524.960.625
111	HTKT khu số 4 vệt khai thác quỹ đất dự án mở rộng Lê Văn Hiến- Trần Đại Nghĩa- P.Khuê Mỹ- Q.Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng	859.284.000	107.410.500	751.873.500
112	HTKT vệt khai thác quỹ đất khu vực ven sông Cẩm Lệ (phía nam KDC Bình Thái)- P.Hòa Thọ Đông- Q.Cẩm Lệ- Đà Nẵng	244.921.912	30.615.239	214.306.673
113	HTKT KDC phía Nam BV điều dưỡng và phục hồi chức năng- Q. Ngũ Hành Sơn. Hạng mục: Tháo dỡ, di dời đường dây hạ thế, thu hồi ĐCS hiện có và xd mới hệ thống ĐCS	264.808.663	33.101.083	231.707.580
114	ĐCS biển Mân Thái- Q.Ngũ Hành Sơn- Đà Nẵng	717.700.000	89.712.500	627.987.500

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
115	ĐCS đường liên thôn Phò Nam- Nam Yên, xã Hòa Bắc, Huyện Hòa Vang, Đà Nẵng	534.758.000	66.844.750	467.913.250
116	ĐCS liên tổ 95,129, 155-157, P.Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, Đà Nẵng	434.590.000	54.323.750	380.266.250
117	Cải tạo, điều chỉnh nút đường Phạm Hùng-đường 10.5m Phía Nam cầu Cẩm Lệ Đà Nẵng	211.589.000	26.448.625	185.140.375
118	Cải tạo bổ sung hệ thống ĐCS dọc tuyến đường từ chân cầu vượt Hòa Cẩm đến tổ 21 (QL 14B)- Q. Cẩm Lệ- Đà Nẵng	162.466.000	20.308.250	142.157.750
119	ĐCS khu đô thị Hòa Quý- P.Hòa Quý- Q.Ngũ Hành Sơn (gđ 1)	978.139.000	122.267.375	855.871.625
	Tổng cộng:	202.432.071.618	56.331.759.729	146.100.311.889

TÀI SẢN CỐ ĐỊNH CHỜ CHUYỂN GIAO
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẴNG
 Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số : 6468 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018)

STT	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách		
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại
A	B	1	2	3=1-2
I	Vật kiến trúc			
1	Nhà làm việc 19 Lê Hồng Phong	1.350.277.000	495.146.576	855.130.424
2	Nhà khách cơ quan (S/c nâng cấp)	40.197.000	30.819.040	9.377.960
	Tổng cộng:	1.390.474.000	525.965.616	864.508.384

NGUYÊN VẬT LIỆU GIỮ HỘ CHỜ CHUYỂN GIAO

CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐÀ NẰNG

Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số : 468 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018)

STT	Tên tài sản	ĐVT	Số lượng	Giá trị trên sổ sách		Ghi chú
				Đơn giá	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3
II	Nguyên vật liệu					
A	Bóng đèn và chấn lưu các loại				449.927.041	
1	Đèn ống Led DMX	Bóng	139	1.888.390	262.486.210	Ko có trong TBLS
2	Quả cầu sắt	quả	27	6.942.253	187.440.831	Ko có trong TBLS
B	Vật tư các loại				33.790.000	
1	Cây thép 2m	cây	5,0	80.000	400.000	Có nhiều loại dây ko trùng mã sp
2	Cây thép 3m	cây	371,0	90.000	33.390.000	Có nhiều loại dây ko trùng mã sp
C	Vật tư đã cho Công ty CP công trình giao thông Vinashin mượn				113.303.400	
	TỔNG CỘNG				597.020.441	

**BẢNG TỔNG HỢP VẬT TƯ THU HỒI CÔNG TY ĐANG NHẬN GIỮ HỘ
CÔNG TY QUẢN LÝ VẬN HÀNH ĐIỆN CHIẾU SÁNG CÔNG CỘNG ĐN**

Tại thời điểm 24 giờ ngày 31 tháng 12 năm 2017

(Kèm theo Quyết định số : 6468 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2018)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
I	KHO A (19 Lê Hồng Phong, TP. Đà Nẵng)			1.906.147.292	
1	Bóng đèn cao áp M 80W	Bóng	10,0	160.000	
2	Bóng đèn cao áp M 125W (hông)	Bóng	5,0	-	
3	Bóng đèn cao áp M 250W	Bóng	62,0	4.650.000	
4	Bóng đèn cao áp M250W (hông)	Bóng	10,0	-	
5	Bóng đèn cao áp Son 70W	Bóng	4,0	362.400	
6	Bóng đèn cao áp Son 70W (hông)	bóng	156,0	-	
7	Bóng đèn cao áp Son 100W (hông)	Bóng	721,0	-	
8	Bóng đèn cao áp Son 150W	Bóng	7,0	455.400	
9	Bóng đèn cao áp Son 150W (hông)	bóng	688,0	-	
10	Bóng đèn cao áp Son 250W (hông)	Bóng	761,0	-	
11	Bóng đèn cao áp Son 400W (hông)	Bóng	123,0	-	
12	Bóng đèn cao áp Son 1000W	Bóng	1,0	632.000	
13	Bóng đèn cao áp Son 1000W (hông)	Bóng	20,0	-	
14	Bóng đèn cao áp Métal 70W	Bóng	12,0	1.514.400	
15	Bóng đèn cao áp Metal 70w (hông)	Bóng	2,0	-	
16	Bóng đèn cao áp Métal 150W (hông)	bóng	6,0	-	
17	Bóng đèn cao áp Métal 250W (hông)	Bóng	2,0	-	
18	Bóng đèn cao áp Métal 400W	Bóng	29,0	3.920.000	
19	Bóng đèn cao áp Métal 400W (hông)	Bóng	26,0	-	
20	Bóng đèn cao áp Métal 1000W	Bóng	17,0	11.016.000	
21	Bóng đèn cao áp Metal 1000W (hông)	Bóng	9,0	-	
22	Bóng đèn Compact 20W	Bóng	63,0	1.662.060	
23	Bóng đèn Compact 9 đến 20W (hông)	Bóng	444,0	-	
24	Bóng đèn Compact 50W	Bóng	9,0	540.000	
25	Bóng đèn Compact 40 đến 80W (hông)	Bóng	88,0	-	
26	Led 1W (Hông)	Bóng	42,0	-	
27	Bóng đèn LED YD30 sáng xanh	Bóng	122,0	58.560.000	
28	Bóng đèn huỳnh quang 0,6m	Bóng	1.412,0	36.732.050	
29	Bóng đèn LED 10W	Bóng	8,0	4.920.000	
30	Bộ nguồn 220V AC/12VDC	bộ	60,0	-	
31	Bộ nguồn 220V AC/24VDC	bộ	105,0	22.896.000	
32	Bộ nguồn 220V AC/5VDC	bộ	4,0	-	
33	Bộ nguồn 220VAC/200VDC - 0,7A (Hông)	bộ	2,0	-	
34	Bộ khuếch đại tín hiệu (hông)	bộ	8,0	-	
35	Bộ thu tín hiệu (hông)	cái	1,0	-	
36	Bộ cáp tời (100m)	Bộ	1,0	2.850.000	
37	Bảng điện nhựa	Bảng	19,0	120.900	
38	Bảng điện cửa cột	bảng	22,0	1.680.800	
39	Bulong M12x120	con	93,0	162.750	
40	Bulong M14x80	con	2,0	2.800	
41	Bulong M14x100	con	41,0	57.400	
42	Bulong M14x120	bộ	73,0	128.800	
43	Aptomat 3 pha 40A	cái	1,0	243.500	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
44	Aptomat 3 pha 50A	cái	5,0	1.270.000	
45	Aptomat 1 pha 10A	cái	1,0	39.900	
46	Aptomat 1 pha từ 5A đến 30A	cái	4,0	70.000	
47	Hộp đựng ATM	Cái	1,0	63.000	
48	Aptomat 3 pha 30A (hông)	cái	13,0	-	
49	Aptomat 3 pha 50 đến 60A (hông)	cái	18,0	-	
50	Aptomat 3 pha 75A	cái	1,0	285.600	
51	Aptomat 3 pha 75A (hông)	cái	7,0	-	
52	Aptomat 100 đến 150A (hông)	cái	2,0	-	
53	Chấn lưu cao áp Mercury 80w	cái	20,0	1.094.800	
54	Chấn lưu cao áp Mercury 125w	cái	1,0	165.000	
55	Chấn lưu cao áp Mercury 250w	cái	73,0	18.965.400	
56	Chấn lưu cao áp Mercury 250W (hông)	cái	2,0	-	
57	Chấn lưu cao áp Son 70w	cái	5,0	195.000	
58	Chấn lưu cao áp Son 70 (Hông)	cái	57,0	-	
59	Chấn lưu cao áp Son 100w (hông)	cái	292,0	-	
60	Chấn lưu cao áp Son 150w	cái	29,0	4.350.000	
61	Chấn lưu cao áp Son 150W (hông)	cái	214,0	-	
62	Chấn lưu cao áp Son 250w	cái	24,0	4.824.000	
63	Chấn lưu cao áp Son 250w (hông)	cái	255,0	-	
64	Chấn lưu cao áp Son 400w	cái	101,0	27.573.000	
65	Chấn lưu cao áp Son 400w (hông)	cái	35,0	-	
66	Chấn lưu cao áp Son 1000w	cái	1,0	1.086.500	
67	Chấn lưu cao áp Son 1000w (hông)	cái	5,0	-	
68	Chấn lưu cao áp Métal 70w	cái	5,0	315.980	
69	Chấn lưu cao áp Métal 150w	cái	1,0	172.800	
70	Chấn lưu cao áp Métal 400w (hông)	cái	4,0	-	
71	Chấn lưu cao áp Métal 1000w (hông)	cái	1,0	-	
72	Chấn lưu đèn huỳnh quang 0,6m	cái	190,0	-	
73	Chấn lưu 2 cấp công suất 250w/150w	cái	1,0	330.000	
74	Chấn lưu 2 cấp công suất 250w/150w hông	cái	2,0	-	
75	Chấn lưu điện tử 0,6m	cái	929,0	36.262.500	
76	Cảm biến từ (hông)	Bộ	3,0	-	
77	Kích đèn cao áp C.suất từ 70W đến 400W	cái	1,0	69.000	
78	Kích từ 70W đến 400W (hông)	cái	1.431,0	-	
79	Kích 1000W	cái	1,0	157.500	
80	Kích 1000W (hông)	cái	20,0	-	
81	Đui đèn E27 (hông)	cái	147,0	-	
82	Đui đèn E40 (hông)	Cái	104,0	-	
83	Rin tán sắc	Cái	16,0	-	
84	Mạch đèn LED YDL-13W phát sáng xanh	cái	820,0	971.700.000	
85	Khởi động từ + Role nhiệt	cái	1,0	225.000	
86	Mạch điều khiển	Bộ	1,0	-	
87	Role trung gian	cái	3,0	-	
88	Role thời gian số	cái	9,0	4.315.000	
89	Role thời gian số (hông)	cái	4,0	-	
90	Role thời gian cơ	cái	119,0	46.828.000	
91	Role thời gian cơ (hông)	cái	175,0	-	
92	Logo (hông)	cái	39,0	-	
93	Công tắc tơ 3 pha 50A (hông)	cái	11,0	-	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
94	Công tắc tơ 3 pha 75A (hồng)	cái	6,0	-	
95	Công tắc tơ 3 pha 95A	cái	1,0	480.000	
96	Công tắc tơ 3 pha 35A (hồng)	cái	79,0	-	
97	Công tắc tơ 3 pha 32A	cái	5,0	1.562.500	
98	Công tắc tơ 3 pha 35A	cái	5,0	1.476.000	
99	Công tắc tơ 3 pha từ 22A đến 32A(hồng)	cái	42,0	-	
100	Công tắc nhựa	cái	15,0	23.700	
101	Cầu dao điện	cái	4,0	85.000	
102	Cầu chì cá	cái	35,0	262.500	
103	Cần đèn L Φ 40/49 dài 1,6 đến 2m	cần	8,0	408.000	
104	Cần đèn L Φ 40/49 dài 1,6 đến 2,5m	cần	4,0	163.200	
105	Cầu đèn Led Φ 200 gồm:	cần			
	+ Quả cầu nhựa trong Φ 200	quả	13,0	2.600.000	
106	Cầu nhựa đục Φ 400 + đế	quả	1,0	150.000	
107	Cầu nhựa đục Φ 500 (PE)	quả	23,0	5.635.000	
108	Đế cầu	cái	2,0	80.000	
109	Côliê treo cáp trụ BTLT 12m	bộ	3,0	20.200	
110	Côliê treo cáp trụ thép	bộ	24,0	268.800	
111	Cáp M(3x6+1x4) PVC/PVC (lõi mềm)	mét	54,0	1.485.000	
112	Cáp M(3x6+1x4) PVC/PVC (lõi mềm) hồng	mét	13,0	-	
113	Cáp M(3x8+1x6) PVC/PVC	mét	1,7	83.640	
114	Cáp M(3x10+1x6) PVC/PVC	mét	197,2	7.317.508	
115	Cáp M(3x11+1x6)PVC/PVC	mét	36,3	1.527.450	
116	Cáp M(3x16+1x10) PVC/PVC	mét	1.374,2	86.137.740	
117	Cáp M(3x16+1x10) PVC/PVC (lõi mềm)	mét	30,0	2.154.300	
118	Cáp M(3x35+1x25) PVC/PVC	mét	2,3	499.100	
119	Cáp M(2x8) PVC/PVC	mét	36,5	701.400	
120	Cáp M(3x6) PVC/PVC	mét	2,9	52.200	
121	Cáp M(3x6) PVC/PVC (lõi mềm) hồng	mét	18,0	-	
122	Cáp su M (3x25+1x16) PVC/PVC	mét	5,5	908.600	
123	Cáp M(4x11)Cu/XLPE/DSTA/PVC	mét	38,4	2.016.000	
124	Cáp M(3x4+1x2,5)Cu/XLPE/PVC/DSTAPVC	mét	92,5	2.365.200	
125	Cáp M(3x10+1x6)XLPE/DSTA/PVC	mét	123,6	5.414.520	
126	Cáp M(3x25+1x16) XLPE/PVC/DSTA/PVC	mét	315,2	23.839.200	
127	Cáp M(3x35+1x25) XLPE/DSTA/PVC	mét	162,1	17.385.225	
128	Cáp vặn xoắn AL(4x16)	mét	179,0	1.557.100	
129	Cáp vặn xoắn AL(4x25)	mét	28,0	450.800	
130	Dây M(2x2,5) PVC/PVC	mét	19,5	116.288	
131	Dây M(2x2,5)PVC/PVC (Hồng)	mét	302,5	-	
132	Dây M(2x4) PVC/PVC	mét	332,1	2.560.711	
133	Dây M(1x4) PVC/PVC	mét	45,0	60.750	
134	Dây M8 PVC	mét	620,0	12.440.015	
135	Dây M10 PVC	mét	6.138,1	61.663.840	
136	Dây M14 PVC	mét	3.398,2	45.378.660	
137	Dây đồng trần M10	mét	144,0	1.814.400	
138	Dây M (3x8)	mét	27,8	264.100	
139	Dây thép chịu lực Φ 4	mét	150,0	187.500	
140	Dây thép chịu lực Φ 3	mét	716,0	549.310	
141	Dây nhôm M16	mét	18,0	162.000	
142	Dây đèn con rắn vàng	mét	1.317,0	27.200.800	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
143	Dây con rắn 3 màu (dây đèn LED vuông)	mét	1.302,0	104.160.000	
144	Dây cáp fi 16 (hồng)	mét	50,0	-	
145	Đèn Compact chứa nhôm gồm:	bộ	0,0	-	
	+ Bóng Compact 50w	cái	13,0	959.440	
	+Chóa kim cương đèn compact + đui E27	bộ	20,0	1.311.260	
146	Đèn Compact 50W + Chóa kim cương	bộ	9,0	1.125.000	
147	Đèn cao áp 80w VN	bộ	0,0	-	
	+ Bóng cao áp (M) 80w	cái	3,0	19.200	
	+ Chấn lưu (M) 80w	cái	3,0	140.760	
	+Vỏ đèn cao áp VN	cái	1,0	90.000	
148	Đèn Sida M250 gồm:	bộ	0,0	-	
	+ Bóng đèn M 250w của đèn Sida M250W	cái	16,0	592.800	
	+ Chấn lưu M250W của đèn Sida M250W	cái	12,0	2.307.472	
	+ Vỏ đèn Sida	Vỏ	12,0	4.356.900	
149	Đèn cao áp Z1 (M) 125w	bộ	0,0	-	
	+Vỏ đèn Z1 (M) 125w	vỏ	2,0	1.270.000	
	+ Bóng (M) 125w của đèn Z1	cái	23,0	1.075.000	
	+ Chấn lưu (M) 125w của đèn Z1	cái	23,0	1.815.000	
150	Đèn cao áp M 250w (Philips) gồm:	bộ	0,0	-	
	+Vỏ đèn cao áp Philips	vỏ	1,0	300.000	
	+ Bóng M 250w của đèn Philip M250W	cái	238,0	8.755.800	
	+ Chấn lưu M 250w của đèn Philip M250W	cái	10,0	817.800	
151	Đèn Philip cao áp son 250w gồm:	bộ	0,0	-	
	+Vỏ đèn Philips Son 250W	vỏ	0,0	-	
	+Vỏ đèn Philips Son 250W (không nắp)	vỏ	6,0	1.025.000	
	+Bóng Son 250w của đèn Philip S250W	cái	0,0	-	
	+Kích + Clru Son 250w của đèn Philip S250W	bộ	1,0	153.600	
152	Đèn cao áp Son 250W (Z2) gồm:	bộ	0,0	-	
	+ Bóng Son 250w của đèn Z2 S250W	cái	13,0	1.068.000	
	+Chấn lưu + kích của đèn Z2 S250W	bộ	13,0	3.804.000	
	+Vỏ đèn Z2	vỏ	11,0	14.226.000	
153	Đèn Z2 Son 400w gồm	bộ	0,0	-	
	+ Bóng Son 400w của đèn Z2 S400W	cái	19,0	3.738.000	
	+Chấn lưu + kích của đèn Z2 S400W	bộ	5,0	1.760.900	
	+ Vỏ đèn cao áp Z2 S400W	vỏ	0,0	-	
154	Đèn cao áp CS04 Son 250w	bộ	0,0	-	
	+Bóng Son 250w của đèn CS04 S250W	cái	3,0	217.200	
	+Chấn lưu + kích của đèn CS04 S250W	bộ	3,0	546.000	
	+ Vỏ đèn cao áp CS04	vỏ	0,0	-	
	+ Vỏ đèn cao áp CS04 (ko nắp nhựa)	vỏ	2,0	448.000	
155	Đèn cao áp S150W (NIKKON)	bộ	0,0	-	
	+Bóng Son 150w của đèn Nikkon S150W	cái	1,0	-	
	+Chấn lưu + kích của đèn Nikkon S150W	bộ	1,0	-	
	+ Vỏ đèn NIKKON	vỏ	0,0	-	
156	Đèn Nail Son 250w gồm:	bộ	0,0	-	
	+Bóng son250w của đèn Nail S250W	cái	1,0	70.000	
	+Chấn lưu + kích của đèn Nail S250W	bộ	1,0	179.200	
	+ Vỏ đèn Nail Son 250W	vỏ	1,0	735.000	
157	Đèn Sapphire Son 400w gồm:	bộ	0,0	-	
	+Bóng Son 400w của đèn Saphiare S400	cái	1,0	-	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
	+Chấn lưu + kích của đèn Saphiare S400	bộ	1,0	-	
	+ Vỏ đèn Sapphire	Vỏ	1,0	1.020.000	
158	Đèn pha 35w	bộ	4,0	3.000.000	
159	Đèn pha Led hiệu ứng (Hồng)	bộ	6,0	-	
160	Đèn chiếu sáng Philip 145W	cái	5,0	2.527.000	
161	Đèn cao áp ONYX Son 250w	bộ	0,0	-	
162	Đèn pha cầu sông Hàn	bộ	0,0	-	
	+ Bóng Son 250w của đèn pha cầu S.Hàn	cái	2,0	140.000	
	+Chấn lưu + kích của đèn pha cầu S.Hàn	bộ	2,0	358.400	
	+Vỏ đèn pha	vỏ	2,0	700.000	
163	Đèn pha Métal 70w	bộ	30,0	19.430.400	
164	Đèn pha Métal 150w	bộ	1,0	720.000	
165	Đèn pha Métal 400w gồm:	bộ	0,0	-	
	+Bóng Metal 400w của đèn pha métal 400W	cái	2,0	330.000	
	+Chấn lưu +kích của đèn pha métal 400W	bộ	2,0	813.600	
	+Vỏ đèn pha Métal 400W	vỏ	2,0	938.200	
166	Đèn Halogen 500w	Bộ	1,0	144.000	
167	Bóng Compact 20W của đèn cầu S400	bóng	1,0	18.500	
168	Đèn pha PO 02 Metal 400W	Bộ	3,0	4.462.500	
169	Đèn TA05 Son 150W/220V	Bộ	7,0	3.556.000	
170	Đèn pha Son 250W	Bộ	1,0	997.284	
171	Đèn Led TSMT Son 150w	bộ	6,0	-	
172	Đèn Led Hàn Quốc	bộ	13,0	-	
173	Vỏ đèn cao áp Z1	vỏ	1,0	-	
174	Vỏ đèn cao áp CS03	vỏ	1,0	-	
175	Vỏ đèn Nhật	vỏ	4,0	1.112.400	
176	Vỏ đèn cây thông	vỏ	313,0	100.160.000	
177	Vỏ đèn OSRAM Việt Nam	vỏ	1,0	22.500	
178	Vỏ hộp cầu dao	vỏ	1,0	36.000	
179	Vỏ đèn Saphia	Vỏ	1,0	-	
180	Vỏ đèn Rainbow (Hồng)	Vỏ	1,0	-	
181	Vỏ đèn ONYX	Vỏ	2,0	-	
182	Tủ điều khiển đèn trang trí dây văng	tủ	1,0	2.700.000	
183	Tủ điều khiển đèn trang trí đỉnh tháp	tủ	1,0	3.300.000	
184	Tăng đơ M12	cái	23,0	96.600	
185	Tăng đơ M14	cái	17,0	181.600	
186	Tăng đơ 3 tấn	Bộ	1,0	82.500,0	
187	Tấm tỏa nhiệt	tấm	7,0	63.000	
188	Kẹp treo cáp	cái	47,0	1.474.000	
189	Kẹp néo cáp (kẹp dùm, kẹp siết cáp)	cái	12,0	142.000	
190	Giá treo cáp	cái	14,0	124.500	
191	Kẹp cáp cao thế	cái	6,0	231.000	
192	Ổ cắm	cái	3,0	7.000	
193	Dây ba lang (Hồng)	mét	50,0	-	
194	Ống nhựa xoắn Ø21	mét	9,0	13.500	
195	Phích cắm	cái	2,0	1.500	
196	Xà kẹp cần đèn trụ Bê tông vuông	bộ	2,0	384.000	
197	Xà gá tủ điều khiển trụ H	bộ	1,0	28.800	
198	Xà gá tủ điều khiển trụ thép	bộ	1,0	180.000	
199	Xà đỡ dây trụ thép	bộ	89,0	2.235.600	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
200	Xà nạnh gá đèn pha	bộ	4,0	540.000	
201	Nối dây	cái	4,0	144.000	
202	Ghíp nối	cái	9,0	98.500	
203	Đồng hồ điện	cái	1,0	140.000	
204	Sứ hạ thế	cục	60,0	104.800	
205	Ổn áp 5 KVA	cái	1,0	720.000	
206	Đai ốc móng trụ	con	406,0	680.080	
207	Sứ + Ty	bộ	177,0	1.786.700	
208	Cán cầu chì tự rơi	Cái	2,0	-	
209	Cầu chì tự rơi (gồm cán chì và sứ đỡ)	Bộ	2,0	-	
210	Dây chì cháy	Bộ	2,0	-	
211	Thu lôi van	cái	8,0	-	
	VẬT TƯ BÁN PHÁO HOA QUỐC TẾ 2008		0,0	-	
212	Dây M2x0,75	mét	35,0	-	
213	Cầu chì nhựa	cái	60,0	-	
214	Đèn pha Métal 150w	bộ	8,0	-	
II	KHO B (Tổ 10 P. Hòa Thọ Tây, Q. Cẩm Lệ, TP. Đà Nẵng)			3.068.748.972	
1	Cần đèn chữ S Φ49 đến Φ50 dài 3,6 đến 4m	cần	18,0	3.312.000	
2	Cần đèn chữ S Φ60 dài 3m đến 3,5m	cần	5,0	-	
3	Cần đèn chữ S Φ60 dài 3,6 đến 4m	cần	119,0	16.132.000	
4	Cần đèn chữ S Φ60 dài 2,6 đến 3m	cần	4,0	-	
5	Cần đèn L Φ49 dài từ 1 đến 1,5m	cần	3,0	367.500	
6	Cần đèn L Φ49 dài từ 1,6 đến 2m	cần	33,0	3.861.000	
7	Cần đèn L Φ49 dài từ 3,6 đến 4m	cần	2,0	191.750	
8	Cần đèn L Φ60 dài từ 1 đến 1,5m	Cần	4,0	-	
9	Cần đèn L Φ60 dài từ 2,5 đến 3m	cần	25,0	1.651.200	
10	Cần đèn Φ60 dài 2,2m+Colie trụ BTLT đơn	Bộ	26,0	9.004.800	
11	Cần đèn Φ60 dài 2,2m+Colie trụ BTLT đôi	Bộ	15,0	4.704.000	
12	Bóng cao áp M250W	cái	20,0	-	
13	Chấn lưu cao áp M250W	cái	20,0	-	
14	Aptomat tép 16A+10A	Cái	127,0	2.857.500	
15	Cầu nhựa trong Φ400	Quả	66,0	-	
16	Đèn cầu nhựa trong Φ500 lắp bóng Son 70W	Bộ	1,0	264.000	
17	Côliê treo cáp trụ BTLT 8,4m	Bộ	5,0	-	
18	Cáp M(3x10+1x6) PVC/PVC	mét	1.867,4	76.086.208	
19	Cáp M(3x10+1x6)PVC/PVC mềm	Mét	1.361,3	54.272.010	
20	Cáp M(3x10+1x8) PVC/PVC (lõi mềm)	mét	99,7	4.251.310	
21	Cáp M(3x16+1x10) PVC/PVC	mét	5.994,3	405.422.201	
22	Cáp M(3x16+1x10) PVC/PVC (lõi mềm)	mét	32,0	2.342.400	
23	Cáp M(3x25+1x16) XLPE/PVC	mét	824,7	70.805.630	
24	Cáp M(1x8)PVC/PVC	Mét	926,0	6.482.000	
25	Cáp M(1x10)PVC/PVC	Mét	930,0	8.835.000	
26	Cáp M(3x10+1x6) PVC/DSTA/PVC	mét	12,0	458.184	
27	Cáp M(3x16+1x10) XLPE/DSTA/PVC	mét	199,4	14.479.680	
28	Cáp M(3x25+1x16) XLPE/DSTA/PVC	mét	584,0	45.817.950	
29	Cáp ngầm M(3x70)	mét	76,0	13.946.000	
30	Cáp vặn xoắn ABC 2 x16	mét	239,0	1.262.800	
31	Cáp vặn xoắn ABC4x16	mét	830,0	-	
32	Cáp vặn xoắn AL 4x25	mét	41,8	-	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
33	Cáp vặn xoắn AL 4x25 (Hồng)	mét	1.134,0	-	
34	Cáp vặn xoắn AL 4x95	mét	300,0	12.690.000	
35	Dây M (2x1,5) PVC/PVC	mét	399,8	1.651.000	
36	Dây M (2x2,5) PVC/PVC	mét	2.905,5	15.817.710	
37	Dây M (2x4) PVC/PVC	mét	62,7	790.020	
38	Dây M10 PVC	mét	3.012,8	28.209.168	
39	Dây đồng trần M10	mét	180,0	1.620.000	
40	Dây M8 PVC	mét	843,3	7.685.820	
41	Dây M6 PVC	mét	17,6	158.400	
42	Dây M14 PVC	mét	858,0	9.311.430	
43	Dây M16 PVC	mét	0,3	3.450	
44	Dây dẫn M48	mét	309,5	15.750.455	
45	Dây dẫn A(3x35)	mét	100,0	1.890.000	
46	Dây thép chịu lực Φ3	mét	306,0	306.000	
47	Bóng compact 20W	Bóng	3,0	73.500	
48	Bóng M80W	Bóng	5,0	145.000	
49	Chấn lưu M80W	Cái	5,0	195.500	
50	Đèn cao áp M250W - sida gồm:		0,0	-	
	+ Bóng đèn M250W của đèn Sida M250W	Bóng	22,0	600.000	
	+ Chấn lưu M250W của đèn Sida M250W	cái	51,0	7.753.300	
	+ Vỏ đèn cao áp Sida	vỏ	51,0	13.642.500	
51	Đèn cao áp M250W CS03	Bộ	16,0	1.700.000	
52	Đèn cao áp M250W Philip gồm:		0,0	-	
	+ Bóng đèn M250W của đèn Philip M250W	Bóng	117,0	5.890.800	
	+ Chấn lưu M250W của đèn Philip M250W	cái	117,0	22.657.800	
	+ Vỏ đèn cao áp Philip	vỏ	117,0	48.180.000	
53	Đèn cao áp M250W - CS03 gồm:		0,0	-	
	+ Bóng đèn M250W của đèn CS03 M250W	Bóng	163,0	9.122.200	
	+ Chấn lưu M250W của đèn CS03 M250W	Cái	140,0	27.630.596	
	+ Vỏ đèn cao áp CS03	vỏ	116,0	35.113.600	
54	Đèn cao áp Son 150W -CS03 gồm:		0,0	-	
	+ Bóng Son 150W của đèn CS03 150W	Bóng	5,0	98.400	
	+ Chấn lưu + kích của đèn CS03 150W	bộ	3,0	693.200	
	+ Vỏ đèn CS03	vỏ	6,0	-	
55	Đèn cao áp Son 250W -CS03 gồm:		0,0	-	
	+Bóng Son 250W của đèn CS03 Son 250W	Bóng	16,0	1.300.000	
	+ Chấn lưu +kích của đèn CS03 Son 250W	bộ	26,0	8.389.900	
	+ Vỏ đèn cao áp CS03	vỏ	35,0	4.635.000	
56	Đèn cao áp Son 150W - CS02		1,0	918.060	
57	Đèn cao áp Son 250W - Philip gồm:		0,0	-	
	+Bộ chấn lưu Dimming 250W/150W	bộ	32,0	18.214.000	
	+Vỏ đèn Philip Son 250W	vỏ	72,0	29.492.350	
	+Vỏ đèn Philip Son 250W (không nắp)	Vỏ	17,0	4.491.600	
	+ Bóng Son 250W của đèn Philip Son 250W	Bóng	72,0	7.401.000	
	+ Chấn lưu + kích của đèn Philip Son 250W	Bộ	57,0	16.183.100	
58	Đèn cao áp Son 150W- Z2 Dimming 150w/100w	bộ	24,0	51.840.000	
59	Đèn cao áp Son 250W- Z2	Bộ	7,0	11.150.000	
60	Đèn cao áp Son 250W- Z2 gồm:				
	+Bóng Son 250W của đèn Z2 Son 250W	Bóng	5,0	430.000	
	+Chấn lưu + kích của đèn Z2 Son 250W	Bộ	5,0	1.454.500	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
	+Vỏ đèn cao áp Z2	vỏ	5,0	-	
61	Đèn cao áp Son 400W - Z2	Bộ	8,0	17.600.000	
62	Đèn cao áp Son 250W - QC04 gồm				
	+Bóng Son250W của đèn QC04 son 250W	Bóng	2,0	217.200	
	+Chân lưu+kích của đèn QC04 son 250W	Bộ	2,0	546.000	
	+ Vỏ đèn cao áp QC04	Vỏ	0,0	-	
63	Đèn cao áp Son 1000W OLYMPIA	bộ	30,0	251.340.000	
64	Đèn pha Metal 1000W	bộ	3,0	-	
65	Đèn pha Sodium 1000W	bộ	9,0	21.700.000	
66	Đèn pha Sodium 250W (Philips)	bộ	6,0	25.410.000	
67	Đèn LED công suất 30W	bộ	134,0	172.800.000	
68	Đèn LED Vision Pixel	bộ	1.191,0	-	
69	Đèn cao áp Son 250W - Rainbow	bộ	1,0	555.800	
70	Đèn cao áp Son 150W - Rainbow	bộ	9,0	6.048.000	
71	Đèn cao áp Son 150W - ONYX	bộ	2,0	2.580.000	
72	Đèn cao áp Son 400W - Sapphire	bộ	245,0	389.500.000	
73	Đèn Son 250W Syvanta	bộ	6,0	-	
74	Đèn cao áp Son 400W - Hestia	bộ	1,0	3.210.000	
75	Đèn cao áp son 250W - ONYX gồm:		0,0	-	
	+Bóng Son 250W của đèn Onyx son 250W	Bóng	1,0	86.000	
	+Chân lưu + kích của đèn Onyx son 250W	bộ	1,0	321.500	
	+Vỏ đèn cao áp ONYX	Vỏ	0,0	-	
76	Đèn pha Metal 150W	Bộ	19,0	13.720.000	
77	Đèn pha Metal 400W	Bộ	4,0	5.084.400	
78	Đèn cầu đục 2 màu đen trắng	Bộ	6,0	5.360.000	
79	Đèn cao áp Sodium 150W-vỏ đèn Z2	bộ	17,0	5.400.000	
80	Đèn cao áp Sodium 150W-vỏ đèn CS03	bộ	14,0	2.122.200	
81	Đèn cao áp Sodium 250W-vỏ đèn CS03	bộ	2,0	-	
82	Đèn cao áp Sodium 250W-vỏ đèn TSN-23	bộ	1,0	1.358.000	
83	Đèn cao áp Sodium 250W/150W - Nikkon	bộ	9,0	-	
84	Đèn cao áp Sodium 70W - Nikkon	bộ	33,0	12.665.000	
85	Đèn LED chiếu sáng 120W - Philips	Bộ	2,0	8.820.000	
86	Đèn Nữ hoàng M125W	Bộ	4,0	1.200.000	
87	Đèn OSLO	Bộ	5,0	-	
88	Đèn pha cây xanh 400W	Bộ	3,0	5.920.500	
89	- Aptomat 3 pha 30A	cái	3,0	559.410	
90	- Aptomat 3 pha 50A	cái	5,0	1.156.100	
91	- Aptomat 3 pha 60A	cái	1,0	225.000	
92	- Aptomat 3 pha 75A	cái	1,0	264.000	
93	- Bảng phíp tủ điều khiển	cái	1,0	114.000	
94	Công tắc đổi chiều	cái	1,0	-	
95	- Nút ấn ON-OFF	cái	4,0	40.000	
96	- Contactor C35	cái	10,0	2.576.800	
97	- Contactor C32	cái	4,0	1.394.000	
98	- Contactor C50	cái	1,0	192.500	
99	Chóa nhựa vỏ CS03	Cái	2,0	-	
100	Role thời gian cơ 1 chế độ (TB 118)	cái	4,0	-	
101	Vỏ tủ điện chiếu sáng (loại bằng sắt)	vỏ	33,0	196.000	
102	Bộ thiết bị tủ điều khiển 2 CD loại ATM 50A	bộ	1,0	2.220.000	
103	Bộ thiết bị tủ điều khiển 2 CD loại ATM 75A	bộ	1,0	2.340.000	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
104	Bộ điều khiển đèn LED DMX Tube	bộ	1,0	-	
105	Bộ phân phối dữ liệu đèn LED DMX Tube	bộ	24,0	-	
106	Bộ Power Distributor SDL -109P	bộ	58,0	-	
107	Bộ điều khiển SRC-Pixel-PC cho đèn Vision	bộ	56,0	-	
108	Bộ khuếch đại tín hiệu SRC 142 đèn Vision	bộ	12,0	-	
109	Vỏ tủ điều khiển đèn LED DMX Tube	Vỏ	14,0	3.030.000	
110	Vỏ tủ điều khiển đèn LED Vision Pixel	Vỏ	59,0	11.768.000	
111	Vỏ đèn cao áp CS03	Vỏ	57,0	-	
112	Vỏ đèn cao áp Z2 (Hồng)	Vỏ	16,0	-	
113	Vỏ đèn Atlanta (Hồng)	Vỏ	1,0	-	
114	Vỏ đèn Z1	Vỏ	1,0	-	
115	Vỏ đèn Syvanta	Vỏ	6,0	-	
116	Vỏ đèn Nikkon	Vỏ	9,0	-	
117	Vỏ đèn QC05	Vỏ	8,0	-	
118	Vỏ đèn Nova	Vỏ	1,0	-	
119	Ống thép Φ42	mét	113,9	2.665.260	
120	Ống thép Φ100 dài 3m	mét	1,0	184.800	
121	Chụp cần đèn đơn trụ BTLT dài từ 1,6 đến 2m	chụp	8,0	1.382.400	
122	Chụp cần đèn đơn trụ BTLT dài từ 2,5 đến 3m	chụp	180,0	27.540.000	
123	Chụp cần đèn đơn trụ BTLT dài từ 4,1 đến 4,5m	chụp	7,0	3.091.200	
124	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 1,6 đến 2m	chụp	29,0	8.784.000	
125	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 2,6 đến 3m	chụp	9,0	3.446.800	
126	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 4,1 đến 4,5m	chụp	4,0	3.192.000	
127	Chụp cần đèn đơn trụ thép bát giác dài 5,5 đến 6m	chụp	54,0	2.124.000	
128	Chụp cần đèn đơn trụ thép bát giác dài 3 đến 3,4m	chụp	18,0	640.800	
129	Chụp cần đèn đơn trụ thép bát giác dài 3,5 đến 4m	chụp	1,0	504.000	
130	Chụp cần đèn đơn trụ thép bát giác dài 4,1 đến 4,5m	chụp	2,0	420.000	
131	Chụp cần đèn đôi trụ thép tròn dài 2.6 đến 3m	chụp	5,0	840.000	
132	Chụp cần đèn đôi trụ thép tròn dài 3.6 đến 4m	chụp	23,0	18.676.000	
133	Chụp cần đèn đôi trụ thép tròn dài 4,1 đến 4,5m	chụp	6,0	2.772.000	
134	Chụp cần đèn đôi trụ thép tròn cao 1.3m vưon 1.1 và 2m	chụp	37,0	14.700.000	
135	Chụp cần đèn đôi trụ thép bát giác dài 3,5 đến 4m	Chụp	30,0	8.853.600	
136	Chụp cần đèn ba trụ thép tròn dài 2,6 đến 3m	Chụp	2,0	608.000	
137	Chụp cần đèn ba trụ thép tròn dài 3.1 đến 3.5m	chụp	12,0	4.551.600	
138	Chụp cần đèn ba trụ thép tròn dài 3.6 đến 4m	chụp	3,0	2.206.000	
139	Chụp cần đèn ba trụ thép bát giác dài 3.6 đến 4m	chụp	1,0	390.000	
140	Chụp cần đèn đôi trụ BTLT dài từ 2,5 đến 3,5m	chụp	6,0	1.350.000	
141	Giàn đèn nâng hạ của trụ thép CS 25m	Bộ	1,0	-	
142	Mô tơ 3 pha 0.6KV (0,8HP)	Bộ	1,0	1.450.000	
143	Trụ đèn S400 đơn	trụ	2,0	-	
144	Trụ đèn trang trí	Trụ	5,0	-	
145	Trụ đèn trang trí OSLO	Trụ	6,0	-	
146	Trụ thép trang trí 14m	Trụ	1,0	5.280.000	
147	Trụ thép fi 114	Trụ	1,0	-	
148	Trụ đèn Mask đôi	Trụ	12,0	-	
149	Trụ đèn PI	Trụ	54,0	-	
150	Trụ thép fi 90 dài 4 đến 4,5m	Trụ	35,0	12.480.000	
151	Trụ đèn Mars đơn	Trụ	3,0	-	

STT	Tên loại vật tư	DVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
152	Trụ thép tròn côn dài 8 đến 8.9m	trụ	26,0	49.000.000	
153	Trụ thép tròn côn dài 9 đến 9,9m	Trụ	1,0	3.456.000	
154	Trụ thép tròn côn dài 10 đến 10.9m	trụ	9,0	14.040.000	
155	Trụ thép tròn côn dài 11m + chụp cần đèn đơn+đôi	trụ	15,0	71.525.000	
156	Trụ chiếu sáng nâng hạ cao 25m gồm 3 đoạn	trụ	2,0	69.332.000	
157	Trụ thép tròn côn + chụp cần đèn đôi, cao 12m	trụ	1,0	3.135.000	
158	Trụ thép bát giác côn dài 6 đến 6.9m	trụ	48,0	1.120.000	
159	Trụ thép bát giác côn dài 8 đến 8.9m	trụ	47,0	36.630.000	
160	Trụ thép bát giác côn dài 9 đến 9.9m	Trụ	20,0	55.218.000	
161	Trụ thép bát giác côn dài 10 đến 10.9m	trụ	29,0	49.708.000	
162	Trụ thép tròn côn 3 đoạn dài 5 đến 5.9m	trụ	5,0	2.200.000	
163	Trụ thép tròn côn 3 đoạn dài 6 đến 6.9m	trụ	33,0	40.610.000	
164	Trụ thép tròn côn 3 đoạn dài 7 đến 7.9m (không có mặt bích)	trụ	5,0	2.200.000	
165	Trụ thép tròn côn 3 đoạn dài 8 đến 8.9m	trụ	73,0	142.259.600	
166	Trụ thép tròn côn 3 đoạn dài 10 đến 10.9	trụ	6,0	8.160.000	
167	Trụ Pilone	trụ	9,0	72.012.000	
168	Trụ H7	trụ	1,0	-	
169	Trụ H7 đôi	trụ	1,0	-	
170	Trụ BTLT đã chặt góc	trụ	4,0	-	
171	Móng trụ thép chiếu sáng	cái	3,0	-	
172	Móng trụ trang trí	cái	2,0	1.200.000	
173	Mặt bích	cái	4,0	322.500	
174	Xà kẹp cần đèn trụ BTLT 10,5m	Bộ	3,0	-	
175	Xà kẹp cần đèn fi 90	bộ	33,0	-	
176	Xe gắn đèn pha (xe phục vụ thi bắn pháo hoa)	Xe	2,0	4.200.000	
177	Giá đỡ cầu trang trí	cái	82,0	3.354.000	
178	Góc trụ thép trang trí	cái	6,0	2.736.000	
179	Đế gang chiếu sáng DC-03	bộ	3,0	13.347.000	
180	Đế gang chiếu sáng DC-03B	bộ	67,0	35.042.000	
181	Thót dưới đế gang CS DC-03B	cái	8,0	1.248.000	
182	Thót giữa đế gang CS DC-03B	cái	26,0	3.270.000	
183	Thót trên đế gang CS DC-03B	cái	27,0	1.680.000	
184	Đế gang của cột đế gang DC-07	cái	16,0	12.294.840	
185	Thân của cột đế gang DC-07	cái	17,0	5.676.240	
186	Thót trên đế gang trang trí DC-05B	cái	9,0	6.467.320	
187	Thót dưới đế gang trang trí DC-05B	cái	9,0	12.832.800	
188	Thân đế gang trang trí DC-05B	cái	9,0	4.675.320	
189	Đèn cầu 2 nửa xanh trắng S400	bộ	30,0	-	
190	Đế gang cao 2,95m	cái	19,0	59.938.000	
III	KHO C (TỔ 155 Khánh Sơn, P. Hòa Khánh Nam, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng)			1.040.412.181	
1	Bóng đèn cao áp Son 70W	Bóng	17,0	1.241.300	
2	Chân lưu cao áp Son 70w	Cái	14,0	1.666.000	
3	Kích đèn cao áp C.suất từ 70W đến 400W	Cái	14,0	1.029.000	
4	Cần đèn Φ60 dài 2,2m+Colie trụ BTLT đôi	Bộ	10,0	3.136.000	
5	Cần đèn Φ60 dài 2,2m+Colie trụ BTLT đơn	Bộ	10,0	3.528.000	
6	Cần đèn chữ S Φ49 dài 3,6 đến 4m	Cần	19,0	1.749.000	
7	Cần đèn chữ S Φ60 dài 3,6 đến 4m	Cần	32,0	5.339.000	
8	Cần đèn L Ø50/60 dài 1m đến 1,5m	Cần	40,0	1.708.800	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
9	Cần đèn L Φ42 dài từ 1 đến 1,5m	Cần	3,0	76.800	
10	Cần đèn L Φ49 dài từ 1 đến 1,5m	Cần	18,0	-	
11	Cần đèn L Φ49 dài từ 1,6 đến 2m	Cần	22,0	-	
12	Cần đèn L Φ49 dài từ 2,1 đến 2,6m	Cần	14,0	1.156.800	
13	Cần đèn L Φ60 dài từ 2 đến 3m	Cần	28,0	1.050.000	
14	Cần đèn đơn dài 3,6 đến 4m	Cần	11,0	-	
15	Cáp M(3x6)PVC/PVC	Mét	26,6	478.800	
16	Cáp M(3x6+1x4) PVC/PVC	Mét	19,0	-	
17	Cáp M(3x10+1x6)PVC/PVC	Mét	2.977,6	119.577.480	
18	Cáp M(3x10+1x6)PVC/PVC - loại mềm	Mét	1.232,0	45.656.800	
19	Cáp M(3x11+1x6) PVC/PVC	Mét	20,0	630.000	
20	Cáp M(3x16+1x10) PVC/PVC	Mét	2.638,1	143.911.160	
21	Cáp M(3x16+1x10) XLPE/PVC	Mét	1.656,5	72.554.700	
22	Cáp M(3x25+1x16) PVC/PVC	Mét	60,4	8.815.380	
23	Cáp M(2x8) XLPE/DSTA/PVC	Mét	16,0	432.000	
24	Cáp M(3x16+1x10) XLPE/DSTA/PVC	Mét	400,5	30.250.500	
25	Cáp M(3x25+1x16) PVC/DSTA/PVC	Mét	188,2	15.499.110	
26	Cáp M(3x35+1x25)XLPE/DSTA/PVC	Mét	40,4	4.332.900	
27	Cáp M(3x50+1x35)XLPE/DSTA/PVC	Mét	25,0	5.175.000	
28	Cáp vặn xoắn AL 4x16	Mét	253,0	-	
29	Cáp vặn xoắn AL 4x25	Mét	292,0	-	
30	Chốt xuyên M16x250 (bulon móc)	Mét	6,0	68.400	
31	Chụp cần đèn đôi trụ thép bát giác dài 3 đến 4m	Chụp	8,0	4.892.800	
32	Chụp cần đèn ba trụ thép bát giác dài 3 đến 4m	Chụp	1,0	1.008.000	
33	Chụp cần đèn đôi trụ thép tròn dài 2,6 đến 3m	Chụp	2,0	512.000	
34	Chụp cần đèn đơn trụ BTLT dài từ 1,5 đến 3m	Chụp	53,0	9.327.600	
35	Chụp cần đèn đơn trụ thép bát giác dài 4,1 đến 4,5m	Chụp	2,0	420.000	
36	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 2,6 đến 3m	Chụp	20,0	10.570.000	
37	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 4,1 đến 4,5m	Chụp	6,0	1.382.400	
38	Chụp cần đèn đơn trụ thép tròn dài 2,6 đến 3m	Chụp	1,0	537.600	
39	Côliê treo cáp trụ BTLT 8,4m	Bộ	7,0	88.200	
40	Côliê treo cáp trụ BTLT12m (cùm xà trụ BTLT 12m)	Bộ	7,0	168.000	
41	Côliê trụ sắt 10m đến 10,9m	Bộ	1,0	-	
42	Trụ thép bát giác dài từ 9 đến 10m	Trụ	9,0	25.920.000	
43	Trụ thép tròn côn 11 đến 12m	Trụ	18,0	71.610.000	
44	Kẹp chân chó	Cái	6,0	28.800	
45	Đế gang chiếu sáng DC-03B	Bộ	8,0	27.293.200	
46	Đế gang 2 thốt cao 2,95m	Bộ	12,0	48.165.600	
47	Thốt trên của đế gang DC-03B	Cái	1,0	609.600	
48	Thốt giữa của đế gang DC-03B	Cái	1,0	2.800.000	
49	Thân trụ Mika	Cái	45,0	86.400.000	
50	Xà kẹp cần đèn trụ BTLT 8,4m	Bộ	22,0	-	
51	Xà kẹp cần đèn Ø 114	Bộ	9,0	561.000	
52	Xà kẹp cần đèn trụ bu rui điện	Bộ	1,0	-	
53	Dây M (2x1,5) PVC/PVC	Mét	957,0	4.795.160	
54	Dây M (2x2,5) PVC/PVC	Mét	1.290,0	7.124.653	
55	Dây M (2x4) PVC/PVC	Mét	175,0	2.520.000	
56	Dây M(1x4)PVC	Mét	95,0	128.250	

STT	Tên loại vật tư	ĐVT	SL	Thành tiền	Ghi chú
57	Dây M(1x1,5)PVC	Mét	90,0	290.070	
58	Dây nhôm (2x16)	Mét	38,0	-	
59	Dây M6 PVC	Mét	335,0	3.015.000	
60	Dây M8 PVC	Mét	378,5	5.717.250	
61	Dây M10 PVC	Mét	3.942,9	39.410.568	
62	Dây M14 PVC	Mét	399,2	5.316.720	
63	Dây M16 PVC	Mét	0,5	5.750	
64	- Vỏ tủ điện	Vỏ	41,0	353.000	
65	- Bảng phíp	bảng	3,0	325.500	
66	-Aptomat 3 pha 50A	cái	3,0	719.000	
67	-Aptomat 3 pha 30A	cái	3,0	731.250	
68	-Aptomat 3 pha 75A	cái	1,0	275.000	
69	-Công tắc tơ 35A	cái	16,0	3.692.500	
70	-Công tắc tơ 32A	cái	5,0	581.000	
71	-Công tắc tơ 50A	cái	6,0	-	
72	- Công tắc đổi chiều	cái	2,0	-	
73	- Công tắc đèn	cái	2,0	-	
74	-Rơ le thời gian cơ 01 chế độ	cái	5,0	1.330.000	
75	-Rơ le thời gian số 01 chế độ	cái	2,0	468.000	
76	- Rơ le thời gian 02 chế độ	cái	2,0	325.000	
77	- Rơ le trung gian	cái	2,0	-	
78	- Rơ le nhiệt	Cái	3,0	-	
79	-Nút ấn ON/OFF	cái	5,0	45.500	
80	-Cầu chì nhựa	cái	8,0	12.000	
81	-Đui đèn	cái	4,0	7.200	
82	-Công tắc 01 chiều	cái	1,0	3.000	
83	Vỏ đèn cao áp QC04	Vỏ	17,0	-	
84	Vỏ đèn cao áp Atlanta	Vỏ	3,0	-	
85	Đế móng thân trụ	Vỏ	45,0	7.515.000	
86	Đèn cao áp (Sơn) 250W Hetia	Bộ	15,0	29.506.000	
87	Đèn nón	Bộ	5,0	-	
88	Đèn con mắt	Bộ	15,0	-	
89	Đèn pha Metal 70W	Bộ	20,0	8.100.000	
90	Đèn pha Sơn 400W	Bộ	1,0	1.409.680	
91	Đèn cao áp M250W - Philip	Bộ	19,0	-	
92	Đèn cao áp Sơn 250W - Philip	Bộ	8,0	792.500	
93	Đèn Sơn 250W/150W 2 cấp công suất - Philip	Bộ	2,0	3.384.000	
94	Đèn cao áp M250W - CS03	Bộ	9,0	2.461.500	
95	Đèn cao áp Sơn 250W - CS03	Bộ	19,0	13.058.300	
96	Đèn cao áp Sơn 250W - Atlanta	Bộ	14,0	-	
97	Đèn Vento Dimming 400/250W	Bộ	13,0	14.427.000	
98	Đèn cao áp Sơn 250W/220V-Z2	Bộ	2,0	3.900.000	
99	Đèn cao áp Sơn 150W/220V-Z2	Bộ	15,0	16.200.000	
100	Đèn Sơn 150W/100W 2 cấp công suất - Z2	Bộ	46,0	61.752.000	
101	Đèn cao áp Sơn 150W QC04	Bộ	1,0	-	
102	Đèn cao áp M250W QC05	Bộ	7,0	-	
103	Đèn cao áp Sơn 70W QC04	Bộ	10,0	-	
104	Đèn cao áp Sơn 250W Rainbown	Bộ	7,0	13.617.100	
105	Đèn cao áp Sơn 150W YS01A	Bộ	33,0	25.740.000	
106	Đèn cao áp Z1 - 125W	Bộ	4,0	-	
	TỔNG CỘNG			6.015.308.444	

BẢNG TỔNG HỢP

ST T	Tên TSCĐ	Giá trị sổ sách			Ghi chú
		Nguyên giá	Đã khấu hao	Giá trị còn lại	
A	C	1	2	3=1-2	4
A	Tài sản nhận giữ hộ (Ngoài Bảng cân đối kế toán)	209.044.400.503	56.331.759.729	152.712.640.774	
I	Hệ thống điện chiếu sáng	202.432.071.618	56.331.759.729	146.100.311.889	Phụ lục 01
1	Vật kiến trúc	12.516.182.114	5.006.472.844	7.509.709.270	
2	Máy móc thiết bị chuyên dùng	90.132.103.518	29.255.013.920	60.877.089.598	
3	Tài sản cố định hữu hình khác	99.783.785.986	22.070.272.965	77.713.513.021	
II	Nguyên vật liệu	597.020.441	0	597.020.441	Phụ lục 03
1	Nguyên vật liệu và vật tư	483.717.041	0	483.717.041	
2	Vật tư đã cho Công ty CP công trình giao thông Vinashin mượn	113.303.400		113.303.400	
III	Vật tư thu hồi Công ty giữ hộ	6.015.308.444	0	6.015.308.444	Phụ lục 04
	Vật tư cũ	6.015.308.444		6.015.308.444	
B	Tài sản chờ chuyển giao (Trong Bảng CĐKT)	1.390.474.000	525.965.616	864.508.384	
I	Tài sản cố định	1.390.474.000	525.965.616	864.508.384	Phụ lục 02
1	Vật kiến trúc	1.390.474.000	525.965.616	864.508.384	
	Tổng cộng:	210.434.874.503	56.857.725.345	153.577.149.158	

PHỔ ĐẠ



**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **4458/QĐ-UBND**

Đà Nẵng, ngày **04 tháng 10 năm 2018**

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 2925/QĐ-UBND ngày 11/7/2018 của UBND thành phố về việc giữ lại tiếp tục sử dụng các cơ sở nhà, đất của Công ty Quản lý vận hành Điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số **665 /TTr-STNMT** ngày **27/9/2018** của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Phương án sử dụng đất của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, chi tiết theo Phụ lục đính kèm Quyết định này.

Điều 2. Giao cho các cơ quan, tổ chức thực hiện các công việc sau:

1. Sau khi được cổ phần hoá, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước cho thuê đất, ký hợp đồng thuê đất; thực hiện nghĩa vụ nộp tiền sử dụng đất, tiền thuê đất theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm hướng dẫn các thủ tục đăng ký đất đai theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

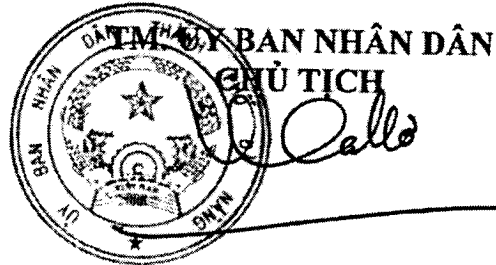
Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương; Cục trưởng Cục Thuế; UBND các quận: Cẩm Lệ; Ngũ Hành Sơn; Liên Chiểu; Kho bạc Nhà nước; Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai; Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố chịu trách nhiệm đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của thành phố. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBNDTP;
- BCĐCPH Cty QLVH ĐCSGCC;
- Lưu: VT.

16



Huỳnh Đức Thơ



PHỤ LỤC

Phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND TP Đà Nẵng)

STT	Tên khu đất	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Nguồn gốc đất	Hồ sơ pháp lý	Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa	Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa
1	Trụ sở làm việc cơ sở II	Tổ 155 Khánh Sơn, P. Hoà Khánh Nam, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng	2.000,0	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BQ 445831 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/11/2013.	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đất thương mại dịch vụ
2	Trụ sở làm việc cơ sở III	Tổ 35 P. Khuê Mỹ, quận Ngũ Hành Sơn, Tp Đà Nẵng	1.894,0	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	- Quyết định số 7743/QĐ-UBND ngày 21/10/2015 của UBND thành phố; - Quyết định số 4250/QĐ-UBND ngày 10/6/2015 của UBND thành phố Đà Nẵng.	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đất thương mại dịch vụ
3	Kho bãi Hoà Cầm	Tổ 10 P. Hoà Thọ Tây, quận Cẩm Lệ, TP Đà Nẵng	1.631,8	Nhà nước giao đất không thu tiền sử dụng đất.	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BT 878851 do UBND thành phố Đà Nẵng cấp ngày 15/9/2014	Thuê đất trả tiền thuê hàng năm	Đất thương mại dịch vụ

Handwritten mark

Số: 2410/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt bổ sung phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đất đai số 45/2013/QH13 ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai; Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/11/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22/6/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần;

Căn cứ Nghị định 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của UBND thành phố về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2362/QĐ-UBND ngày 29/5/2019 của UBND thành phố Đà Nẵng về việc cho Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng thuê đất tại phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Quyết định số 2409/QĐ-UBND ngày 31/5/2019 của UBND thành phố về việc điều chỉnh sắp xếp, xử lý các cơ sở nhà, đất của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng;

Xét Tờ trình số 444 /TTr-STNMT ngày 31/5/2019 của Sở Tài nguyên và Môi trường,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bổ sung phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, cụ thể:

- Tên khu đất: Khu đất tại phường Hòa Cường Nam, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng;

- Diện tích: 339,0m²;

- Nguồn gốc đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền hàng năm;
- Hình thức sử dụng đất sau khi cổ phần hóa: Thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm;
- Mục đích sử dụng đất sau khi cổ phần hóa: Đất thương mại dịch vụ.

Điều 2. Sau khi được cổ phần hóa, Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có trách nhiệm thực hiện các thủ tục để được Nhà nước cho thuê đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất; ký Hợp đồng thuê đất và thực hiện nghĩa vụ tài chính theo đúng quy định của pháp luật đất đai.

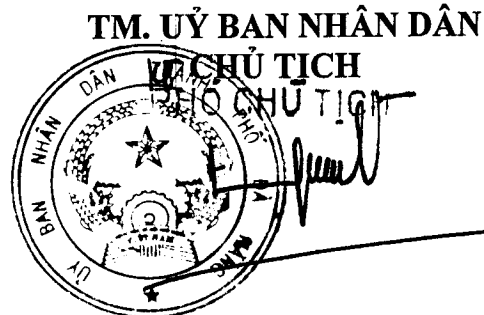
Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND thành phố, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội vụ, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Công thương; Cục trưởng Cục Thuế; UBND các quận: Cẩm Lệ; Ngũ Hành Sơn; Liên Chiểu; Kho bạc Nhà nước; Chi cục Trưởng Chi cục Quản lý đất đai; Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng; Thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, HĐND và UBND thành phố chịu trách nhiệm đăng Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND thành phố Đà Nẵng./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND TP;
- Lưu: VT, STNMT.



Đặng Việt Dũng

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Số: 2412/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Đà Nẵng, ngày 31 tháng 5 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa
Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 11 năm 2017 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần;

Căn cứ Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển đổi đơn vị sự nghiệp thành công ty cổ phần;

Căn cứ Công văn số 1813/TTg-ĐMDN ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh mục đơn vị sự nghiệp công lập thuộc UBND thành phố Đà Nẵng chuyển thành công ty cổ phần giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Thông tư số 35/2016/TT-BLĐTBXH của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chính sách đối với người lao động khi chuyển đơn vị sự nghiệp công lập thành công ty cổ phần theo Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ;

Theo đề nghị của Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tại Tờ trình số 13/TTr-BCĐĐCS ngày 14 tháng 3 năm 2019 về việc phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và Biên bản họp Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Hồ sơ Phương án cổ phần hóa của Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng; theo kết luận cuộc họp giao ban Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thành phố ngày 18 tháng 4 năm 2019; trên cơ sở thống nhất của Thường trực Thành ủy tại Thông báo số 506-TB/TU ngày 15 tháng 5 năm 2019,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt Phương án cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng với nội dung chính sau:

1. Tên Công ty

- Tên gọi đầy đủ: Công ty Cổ phần chiếu sáng công cộng Đà Nẵng.



- Tên giao dịch quốc tế: Danang Public Lighting Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: Public Lighting Joint Stock Company.
- Trụ sở chính: Số 19 Lê Hồng Phong, phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (Hiện nay đang thuê).

2. Pháp nhân và tính kế thừa của Công ty cổ phần

- Có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
- Thực hiện chế độ hạch toán kinh tế độc lập;
- Có con dấu riêng, được mở tài khoản tại ngân hàng và kho bạc theo quy định của pháp luật;
- Được tổ chức và hoạt động theo điều lệ của Công ty cổ phần và Luật doanh nghiệp, được đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật;
- Công ty cổ phần được sử dụng toàn bộ tài sản, nguồn vốn đã nhận bàn giao để tổ chức sản xuất, kinh doanh; kế thừa mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm của đơn vị cổ phần hóa đã bàn giao và có các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Xây dựng công trình công ích: Quản lý vận hành, duy trì bảo dưỡng hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông;

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan: Tư vấn thiết kế hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, điện công nghiệp và dân dụng, đường dây và Trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV,... hệ thống điều khiển và các công trình viễn thông.

- Lắp đặt hệ thống điện:

+ Thi công, xây lắp hệ thống điện chiếu sáng công cộng, đèn tín hiệu giao thông, điện công nghiệp và dân dụng, đường dây và Trạm biến áp đến cấp điện áp 35KV,... hệ thống điều khiển và các công trình viễn thông;

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;

+ Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;

+ Sản xuất các cấu kiện kim loại.

- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng:

+ Sản xuất đèn chiếu sáng, đèn tín hiệu giao thông, sản phẩm cơ khí;

+ Sản xuất thiết bị điện khác;

+ Sửa chữa thiết bị điện;

+ Giám sát thi công xây dựng cơ bản.

4. Hình thức cổ phần hóa

Bán một phần vốn nhà nước; Nhà nước nắm giữ 30% vốn điều lệ.

5. Vốn điều lệ và cơ cấu cổ phần phát hành lần đầu

a) Vốn điều lệ: **16.575.000.000** đồng (Mười sáu tỷ, năm trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn).

b) Cổ phần phát hành lần đầu: **1.657.500** cổ phần (Một triệu, sáu trăm năm mươi bảy ngàn, năm trăm cổ phần); mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng (Mười ngàn đồng), trong đó:

- Cổ phần nhà nước nắm giữ: 497.250 cổ phần, chiếm 30% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán cho người lao động theo giá ưu đãi: 122.100 cổ phần, chiếm 7,367% vốn điều lệ;
- Cổ phần ưu đãi bán cho người lao động mua thêm theo cam kết: 705.400 cổ phần, chiếm 42,558% vốn điều lệ;
- Cổ phần bán đấu giá cho các nhà đầu tư khác: 332.750 cổ phần, chiếm 20,075% vốn điều lệ.

6. Phương thức và giá bán cổ phần

a) Thống nhất bán cổ phần cho các nhà đầu tư khác theo phương thức bán đấu giá công khai trước, bán cho người lao động trong Công ty sau và mức giá thấp hơn giá 10.000đồng/ cổ phần.

b) Giá khởi điểm để tổ chức bán đấu giá ra bên ngoài là: 10.000 đồng/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần). Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng chỉ đạo Công ty thuê tổ chức tài chính trung gian để thực hiện bán đấu giá công khai số cổ phần dự kiến bán cho các nhà đầu tư khác theo đúng quy định.

c) Theo Điều 21 Quyết định số 22/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản pháp luật liên quan:

- Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động theo thời gian làm việc thực tế tại khu vực Nhà nước bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất;
- Cổ phần bán với giá ưu đãi cho người lao động theo thời gian cam kết làm việc lâu dài tại Công ty cổ phần bằng giá đấu thành công thấp nhất.

7. Phương án sắp xếp lao động và trợ cấp giải quyết lao động dôi dư

a) Số lao động tiếp tục sử dụng tại Công ty cổ phần: 122 người, trong đó nữ: 09 người.

b) Số lao động dôi dư: 0 người

c) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện chính sách: **0** đồng.

8. Phương án sử dụng đất:

- Thực hiện theo Quyết định số 4458/QĐ-UBND ngày 04/10/2018 của

UBND thành phố Đà Nẵng về việc phê duyệt phương án sử dụng đất khi cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng và các văn bản chủ trương của UBND thành phố Đà Nẵng có liên quan.

- Hình thức sử dụng đất: Thuê đất trả tiền hằng năm theo đúng quy định hiện hành của pháp luật về đất đai.

9. Chi phí chuyển đổi

Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng quyết định và chịu trách nhiệm về các chi phí thực tế cần thiết phục vụ quá trình cổ phần hóa Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành với tổng chi phí không quá 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).

Điều 2. Giao trách nhiệm

1. Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có trách nhiệm chỉ đạo Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng tiến hành bán cổ phần theo quy định, thẩm tra và trình Chủ tịch UBND thành phố phê duyệt quyết toán chi phí cổ phần hóa.

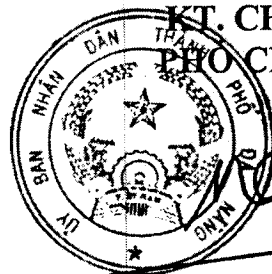
2. Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng có trách nhiệm điều hành, quản lý Công ty cho đến khi bàn giao toàn bộ tài sản, tiền vốn, lao động,... cho Công ty cổ phần và chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu quốc hội, HĐND và UBND thành phố, Trưởng ban Ban Chỉ đạo cổ phần hóa Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính, Nội vụ, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động - Thương binh và Xã hội; Giám đốc Công ty Quản lý vận hành điện chiếu sáng công cộng Đà Nẵng, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Ban Chỉ đạo ĐM&PTĐM TW (để b/c);
- Bộ Tài chính (để b/c);
- CT, các PCT UBND thành phố;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Thuế thành phố;
- Kho bạc Nhà nước Đà Nẵng;
- CPVP, P.ĐTĐT, P.KTTC;
- Lưu: VT, BCĐĐCS.



KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Văn Miên